

Paul Gallico

Cô gái làm búp bê

Dịch giả: Hồ Tây



Một buổi tối tôi mệt mỏi nhưng không tài nào ngủ được, tôi bước ra khỏi giường đi đi lại lại trong phòng và nghĩ về bệnh của mình. Tôi thấy hình như bệnh của tôi giống như bệnh của Mary, và đầu tôi bỗng lóe lên một tia sáng: tôi đang yêu Mary, vấn đề chỉ có thể thôi.

Trang phục của con búp bê được may bằng tay, đường kim mũi chỉ thật khéo, khuôn mặt thì hết chỗ chê. Chắc người chế tác ra con búp bê này phải khéo tay lắm, không những khéo tay mà còn có một tình yêu tuyệt vời với vật mình làm ra. Cảm giác đầu tiên từ con búp bê gây ra với tôi là nó quá xinh đẹp và dịu dàng.

Tôi đặt con búp bê xuống nóc tủ kính, và hỏi ông chủ hiệu tạp hóa:

- Xin ông cho biết con búp bê này giá bao nhiêu?
- Loại búp bê làm bằng tay này ở các tiệm tạp hóa khác họ bán tới hai chục bảng nhưng ở đây tôi chỉ lấy bác sĩ 10 bảng thôi, giá quen biết mà.
- Ai chế tác ra con búp bê này vậy, thật khéo tay.
- Tôi chỉ biết người đem búp bê bỏ mỗi cho tôi là một phụ nữ ở đường Harley.
- Ông có biết bà ấy tên gì không, mặt mũi thế nào, cao thấp, già hay trẻ? - Hình như bà ấy tên Callamy, cao, tóc đỏ, mặt khó đăm đăm, rất ít lời.

Tôi hơi ngạc nhiên, một người đàn bà mặt mũi tính tình như vậy sao lại chế tác ra được một con búp bê tuyệt vời như thế này nhỉ. Tôi đếm tiền trả ông chủ hiệu tạp hóa vì không muốn một vật xinh đẹp như thế này lại nằm mãi trong cái tủ kính bụi bặm.

Tôi mang con búp bê về nhà cất trong tủ kính của tôi. Tôi nhìn nó không rời mắt, vì nó đẹp và đáng yêu quá. Nhưng cuối cùng tôi cũng phải đem con búp bê bỏ vào hộp giấy đem ra bưu điện gửi cho đứa cháu gái.

Tôi tưởng gửi con búp bê đi tôi sẽ quên nó nhưng đầu óc tôi cứ thắc mắc hoài tại sao một người như ông Jim Carter, chủ tiệm tạp hóa mô tả lại có thể chế tác được con búp bê tuyệt vời đến thế. Trong khi tôi đang định tìm hiểu người chế tác ra con búp bê là ai thì bỗng tôi nhận được một cú điện thoại. Một giọng phụ nữ khô khan vang lên:

- Xin hỏi đó có phải phòng mạch của bác sĩ Stephan Amony không?

- Dạ đúng, tôi đây.

- Bác sĩ có thể đến nhà chúng tôi khám bệnh được không?

- Dạ được.

Mười phút sau tôi có mặt ở nhà bà Rose Callamy, sau khi leo qua cái cầu thang gỗ ọp ẹp và tối mò.

- Bác sĩ phải không, xin mời vào, tôi là Rose Callamy đây.

Trước mặt tôi là một phụ nữ với mái tóc nhuộm đỏ, mắt đen môi bóng, tôi áng chừng bà ta trên 45 tuổi. Nhìn thấy người đàn bà, tôi đã thất vọng, bước vào phòng tôi càng thất vọng hơn bởi đồ đạc quá xuềnh xoàng và không có trật tự. Căn phòng thật lạnh lẽo và dơ dáy, nhưng cái làm tôi chú ý là mấy con búp bê được treo trên tường, mỗi con một vẻ khác nhau, nhưng con nào cũng đẹp và dịu dàng đáng mến, không thua gì con búp bê tôi mua ở tiệm tạp hóa của ông Jim Carter. Tôi nghĩ người đàn bà gần năm mươi tuổi này làm thế nào chế tác được những con búp bê như thế này.

- Người bệnh không phải tôi mà là cháu gái tôi, nó đang nằm ở phòng trong, xin mời ông khám bệnh cho cháu.

Trước khi vào phòng tôi thấy cần phải biết tác giả những con búp bê là ai.

- Bà là tác giả những con búp bê này sao?

- Vâng, đúng tôi, nhưng tại sao ông muốn biết tác giả những con búp bê này?

- Tại vì tôi đã mua một con búp bê loại này cho cháu gái tôi.

Người phụ nữ đẩy cửa đưa tôi vào phòng trong và nói lớn:

- Mary, cô đã mời bác sĩ tới cho cháu đấy.

Sau đó bà Rose Callamy đẩy tôi vào phòng và nói thêm:

- Bác sĩ đừng ngạc nhiên nhé, chân cháu bé hơi có tật.

Cô gái ngồi trên ghế bành nơi cửa sổ đang nhìn xuống dòng sông Thames.

Ngay giây phút đầu tiên tôi đã ngây ngất trước khuôn mặt thanh tú và đôi mắt to đen của cô gái. Chung quanh cô là những chiếc bàn nhỏ cái để sơn, để bút, cái để kim, cái để vải nhiều màu, những vật liệu làm búp bê. Tôi nhận ra sự ồm yếu của Mary, nhưng sự ồm yếu này không hề liên quan gì đến cái chân bị dị tật. Tôi bỗng bật ra câu hỏi :

- Chân Mary đi được không vậy?

- Dạ, đi được.

Mary trả lời tôi bằng giọng nhẹ nhàng như gió thoảng.

- Cô hãy tới chỗ tôi.

- Dạ, em rất muốn nhưng em đang mệt quá.

- Mệt cô cũng phải cố gắng vì tôi muốn biết bệnh tình của cô hiện ra sao, cố lên đi. Mary nhẹ nhàng đứng dậy rồi lê từng bước ngắn tới chỗ tôi. Tôi nhìn dáng đi của Mary và nghĩ rằng mình thừa khả năng chữa lành cái chân có tật của Mary.

Khi Mary ngồi xuống, tôi giờ tay đỡ Mary và nói nhỏ :

- Tốt rồi. Tôi tiến hành khám bệnh cho Mary và sau đó ra phòng ngoài. Trước khi ra phòng ngoài tôi nói với Mary rằng tôi có thể chữa cho cái chân của Mary không còn dị tật, và đi lại bình thường được. Bà Rose Callamy nghe tôi nói bỗng nổi giận quát lớn:

- Thôi đủ rồi, tôi không mời ông đến đây để làm chuyện đó. Ông đừng gọi cho Mary những hy vọng hảo huyền nữa, hãy chữa bệnh cảm sốt cho Mary.

- Nếu bà muốn thế, tôi sẽ làm theo lời bà. Chỉ cần chích cho cô một mũi, vâng chỉ một mũi là cô ấy sẽ khỏe liền, nhưng muốn cô ấy ăn uống và làm việc lại thì phải ít bữa. Mai tôi sẽ trở lại.

- Nhưng ông chỉ được trở lại khi hứa với tôi là không đề cập với Mary vụ cái chân của nó. Nếu ông đã động tới chuyện này thì xin lỗi, tôi sẽ mời bác sĩ khác đấy.

- Vâng tôi xin hứa.

Miệng tôi nói thế nhưng đầu óc tôi thì lại nghĩ nhất định phải chữa lành chân cho

Mary. Lần thăm bệnh thứ hai cho Mary, tôi được biết cô bị tai nạn năm mười lăm tuổi. Chính cái tai nạn xe hơi này đã làm cho cái chân cô bị dị tật vì bó bột không đúng nguyên tắc bởi một ông lang vườn. Mary là cháu bà Rose Callamy nên được tòa án cho “bảo hộ” nuôi nấng khi cha mẹ cô đã qua đời vì cái tai nạn xe hơi này. Bà Rose Callamy nhận “bảo hộ” Mary vì nghĩ rằng cha mẹ Mary giàu nhưng thực tế đó chỉ là bề ngoài chứ họ đang trên bờ phá sản. Khi bà Rose Callamy biết mình lầm lẫn bà đã hành hạ Mary, bà không đưa Mary tới bệnh viện bó bột lại cái chân bởi vì bà không muốn Mary có hạnh phúc, có người yêu, có chồng con.

Nhiều năm qua, Mary là công cụ khai thác của bà Rose Callamy, chìm đắm cuộc đời, trong bất hạnh và vô vọng, cô ngồi chế tác những con búp bê để giải sầu. Bà Rose Callamy nhìn những con búp bê do Mary chế tác, biết rằng một nguồn tiền vô tận đã đến với bà từ những con búp bê này, bà mang nó đi chào hàng. Khi những con búp bê do Mary chế tác bán được với giá cao, bà Callamy thúc ép Mary làm ngày làm đêm, và Mary bị cảm sốt bà Rose Callamy cuống lên đi tìm bác sĩ.

Gặp Mary tôi khám phá ra Mary rất sợ bà Rose Callamy, nhưng cô lại tuyệt vọng đến chán sống.

Sau hai tuần lễ chữa bệnh cho Mary, một bữa tôi vừa bước vào nhà bà Rose Callamy thì bà đã chặn lại nơi cửa và nói:

- Cảm ơn bác sĩ, chúng tôi không cần ông nữa.
- Mary cần mà.
- Mary cũng không cần ông nữa, nó đã hết bệnh rồi.

Tôi biết chắc bà Rose Callamy đang nói dối. Tôi muốn đẩy bà Rose Callamy đi chỗ khác để bước vào phòng của Mary. Tôi chưa biết chuyện gì đã xảy ra với Mary nhưng tôi nghĩ bà Rose Callamy đã tìm một bác sĩ khác thay tôi. Tôi không còn cách gì khác là trở lại phòng mạch và luôn nghĩ về Mary.

Đêm nào hễ chợp mắt là tôi mơ thấy Mary kêu cứu. Tôi bắt đầu xanh xao và gầy rộc hẳn đi, trông như một bóng ma vất vưởng và đầu óc luôn nghĩ về Mary nhưng không có cách nào gặp được Mary.

Một buổi tối tôi mệt mỏi nhưng không tài nào ngủ được, tôi bước ra khỏi giường

đi đi lại lại trong phòng và nghĩ về bệnh của mình. Tôi thấy hình như bệnh của tôi giống như bệnh của Mary, và đầu tôi bỗng lóe lên một tia sáng: tôi đang yêu Mary, vấn đề chỉ có thể thôi. Tôi bị ốm vì tương tự Mary vì bất lực không săn sóc được Mary. Bây giờ thì tôi hiểu rõ rằng tại sao Mary đang chết dần chết mòn, tất cả chỉ vì cô ấy vô vọng cô ấy không có ai yêu cả. Tôi quyết định phải đến gặp Mary để tự cứu tôi và cứu cô ấy, tôi không thể để mất Mary. Nghĩ là làm. Tôi gọi điện thoại đến cửa hàng của ông Jim Carter nói với ông rằng tôi có một việc muốn nhờ ông làm giúp, tôi cần ông làm sao giữ chân bà Rose Callamy ở lại cửa hàng ông chừng một giờ, vâng chỉ một giờ thôi. Khi nào ông giữ chân được bà Rose Callamy thì điện thoại cho tôi liền để tôi tiến hành công việc của tôi. Ông Jim Carter nói với tôi rằng tưởng chuyện gì chứ chuyện đó thì dễ ợt.

Một buổi chiều điện thoại vang lên, ông Jim Carter báo cho tôi biết “cá đã cắn câu”. Tôi vội vàng ba chân bốn cẳng tới ngay nhà bà Rose Callamy, thật may bà Rose Callamy đi không khóa cửa nên tôi vào phòng bà dễ dàng bước qua phòng Mary. Nhìn thấy Mary gầy ốm hom hem, tròn mắt nhìn tôi và gọi tên tôi bằng giọng nghẹn ngào: “Anh Stephan em mừng quá”. Tôi trả lời Mary bằng giọng đầy nước mắt: “Anh đến đây để cứu em, anh biết vì sao em ốm rồi”. “Muộn rồi anh ơi”. “Không bao giờ muộn cả, anh biết cách làm cho em khỏe miễn là em nghe lời”. Tôi ngồi xuống cầm tay Mary và nói nhỏ: “Người nào ở đời cũng cần phải có tình yêu để sống, đời em trống rỗng vì tình yêu chưa đến với em, anh là người mang tình yêu đến cho em đây. Anh không sợ một trở ngại nào cả kể cả bà cô Rose Callamy của em, yêu em anh quyết vượt qua tất cả. Anh không sợ gì hết anh yêu em, anh sẽ giữ lại cho em những con búp bê em làm ra những đứa con tinh thần của em phải được ở với em”. Tôi bỗng thấy hai cánh tay nhỏ bé của Mary mở ra ôm lấy tôi đôi mắt mơ màng của Mary nhìn tôi âu yếm. Tôi ngừng nói thấy Mary cựa quạ: “Anh yêu em, anh không thể sống thiếu em”. “Yêu em ư, thật không, anh có biết em chỉ là một con bé tật nguyền không”. “Anh yêu em và anh sẽ chữa lành cái chân có tật của em. Chỉ một năm thôi sẽ đi lại bình thường như những cô gái khác”. Tôi nhìn sâu vào mắt Mary, thấy mắt Mary tràn ngập những nước mắt, nhưng cô lại mỉm cười, một nụ cười tràn đầy hạnh phúc, cô ngả người vào tôi với sự tin cậy tuyệt đối. Tôi ôm chặt Mary trong lòng thấy

Mary thật bé bỏng, người cô nhẹ tênh, nhẹ như một con chim nhỏ. Tôi choàng lên người Mary cái áo khoác, và đưa Mary ra khỏi phòng...

Khi tôi viết những dòng này, Mary sắp sinh đứa con thứ hai cho tôi và nàng đang nựng đứa con đầu lòng ba tuổi. Mary nghỉ làm búp bê nhưng không lúc nào chịu rời những con búp bê cô chế tác ra trước đây mà tôi đã mua hết ở nhà ông Jim Carter.

Paul Gallico

Con chim trốn tuyết

Trần Phong Giao & Hoàng Ưng dịch

LỜI NÓI ĐẦU

Sinh năm 1897 tại New York, sau hơn 20 năm cầm bút, tên tuổi nhà báo Mỹ, Paul Gallico bỗng nổi bật trên văn đàn với "Con chim trốn tuyết", truyện vừa, gây chấn động dư luận bạn đọc cả trong và ngoài nước Mỹ. Trong sáng, và thơ mộng, Paul Gallico đã nhẹ nhàng đi vào thế giới bên trong đầy nhân ái khao khát yêu đương của nhân vật Rhayader, một họa sĩ tật nguyền, phải tìm nơi ẩn dật ở một hải đảo hoang phế ven biển. Cái chết cao đẹp của Rhayader bên dưới vòng cánh lượn đầy tình nghĩa của "con chim trốn tuyết", sự tuần tiết của chính nó, sự bùng nổ tình yêu trong lòng Frith, cô gái ngây thơ và trong trắng... tất cả đã biến câu chuyện như thành một bài thơ viết bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp cả trong tâm hồn lẫn ý thức trách nhiệm của con người.

Môtip cốt truyện về cái đẹp ẩn chứa dưới vỏ ngoài xấu xí của một người đàn ông làm rung động trái tim một cô gái lại được Gallico nhấn mạnh trong "Tình nghệ sĩ". Bảy con rối trong truyện là bảy mặt thiện lương trong bản chất bị che giấu của Michel, gã múa rối độc ác và đê tiện. Thế nhưng Mouche, cô gái có tâm hồn cao đẹp đã nhận ra hết thấy mọi khổ hình gã phải nhận chịu trong cuộc tranh

chấp nội tâm giữa thiện ác bên trong gã. Không phải sự thương hại mà chính tình yêu của cô đã cứu vớt gã lột xác để trở thành con người theo cái nghĩa cao đẹp của nó.

Tuy không thuộc vào hàng ngũ các nhà văn lỗi lạc Mỹ, Paul Gallico đã cho ra đời nhiều tiểu thuyết nổi tiếng : Jennie (1950), Thomasina (1957), Những bông hoa dành cho Harris (1958)... Tác phẩm Paul Gallico mang tính nhân đạo sâu sắc, hướng con người vào những vẻ đẹp bên trong, khơi gợi ở mỗi người tình yêu chân chính và trách nhiệm cao cả.

Giới thiệu Paul Gallico, chúng tôi còn mong gửi tới bạn đọc một lối viết trữ tình, dung dị, giàu chất thơ trong văn học Mỹ.

---Sở văn hoá thông tin Minh Hải---

Paul Gallico

Con chim trốn tuyết

Trần Phong Giao & Hoàng Ưng dịch

Vào Truyện

Cánh đồng lầy mênh mông chạy dọc theo theo bờ duyên hải Essex(5), giữa thôn Chelmbury và Wickaeldroth, một bến chài của dân Saxon ngày xưa(6). Đây là miền hoang đạ cuối cùng còn sót lại tại nước Anh, một miền sinh lầy, hẻo lánh đầy cỏ lác và lau sậy với những bãi cỏ ngợp nước trải dài tới bên bờ những ruộng muối lớn. Những bãi bùn non và những vũng nước thủy triều sát bên đạ dương đầy sóng gió.

Những đường mương rạch do nước thủy triều xẻ vào nội đạ và những nhánh sông nhỏ lượn uốn quanh co trước khi tuôn ra biển cả, qua miền lầy lội, mặt đất bập bênh lên xuống như hô hấp theo nhịp thủy triều lên xuống mỗi ngày. Cảnh tượng vắng vẻ, cho ta cảm giác càng thêm quạnh hiu bởi tiếng kêu, tiếng gọi của

loài dã diều làm tổ trong những đầm lầy hay ruộng muối - những con ngỗng trời, những con hải âu, vịt trời, le le, cò lửa, cò hương mò mẫm tìm mồi trên những hồ nước mặn. Còn sự hiện diện của loài người thì không có, không thấy một ai, hiếm lắm mới thấy một người lưới chim hoặc vài thổ dân mò sò, tới đó tiếp tục làm cái nghề đã cũ mèm ngay từ hồi những người Normand đặt chân lên miền Hasting(7).

Màu xám, màu xanh và màu xanh lá cây nhạt là những màu nổi bật, bởi vì suốt trong những mùa đông dài dằng dặc, nhiều vùng nước trên bãi biển, trên đầm lầy phản chiếu ánh sáng lạnh lẽo và xám đen của bầu trời. Nhưng đôi khi, vào buổi bình minh hoặc lúc hoàng hôn, màu trời sắc đất bừng lên như ánh lửa vàng, lửa đỏ.

Sát bên một nhánh quanh co của con sông Aelder nhỏ bé có một quãng đê thuộc bức trường thành trấn giữ bờ biển ngày xưa, khúc đê nhẵn và kiên cố, không một kẽ hở, đó là thành lũy bảo vệ đất liền chống lại sự xâm lấn của biển cả. Con đê chạy sâu vào tận hồ muối, sâu vào đất liền tới ba dặm kể từ eo biển nước Anh, rồi từ đó rẽ theo hướng Bắc. Chính ở góc đó mặt đê bị sóng biển nhồi vỡ đã rạn vỡ tan tành. Con đê bị chọc thủng và qua chỗ hổng, biển cả như con thú đói ủa vào tranh giành đất đai, cả bức trường thành và cả những vật gì còn lại nơi đó.

Lúc thủy triều rút, trơ ra những tảng đá vỡ màu xám đen, vết tích của ngọn hải đăng hoang phế, nằm phoir trên mặt nước, lác đác quanh đó, tựa như những cái phao cột xác chết, rải rác đầu những cây cọc của của một hàng rào đã bị lúc xuống (8). Ngày xưa ngọn hải đăng nhô cao trên biển và ánh đèn đã từng soi sáng dọc miền duyên hải Essex. Theo dòng năm tháng, sóng biển soi đất lở dần, ngọn hải đăng hoá thành vô dụng.

Gần đây nó lại được dùng làm nơi trú ngụ của loài người. Có một người đàn ông cô độc đến đó ở. Thân hình méo mó, nhưng tâm hồn anh tràn đầy tình thương đối với các loài hoang thú bị săn đuổi. Trông anh thật xấu xí nhưng chính anh lại là người tạo ra cái đẹp. Câu chuyện sau đây thuật về chính chàng trai đó, và một cô bé đã tìm hiểu được chàng, tìm hiểu được một vẻ đẹp nào đó tiềm ẩn bên trong cái thân hình thô kệch của chàng.

Đây không phải loại truyện có bố cục với những tình tiết nhịp nhàng hấp dẫn. Cốt truyện được thu góp từ nhiều nguồn và từ nhiều người, một phần dưới hình thức những mẩu chuyện vụn vặt của chính những người đã chứng kiến những cảnh tượng khốc liệt và kỳ lạ. Rốt cuộc, biển cả đã trở lại nguyên vị, bao phủ lên nơi chiến trận lớp sóng nhấp nhô, và bóng chim trắng khổng lồ, hai đầu cánh đốm đen, cánh chim đã từng chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối, cũng đã quay về miền yên lặng huyền bí, cóng lạnh của vùng Bắc cực, là nơi mà từ đó nó đã bay đi.

Vào cuối mùa xuân năm 1930, Philip Rhayader tìm đến ngọn hải đăng hoang phế ở cuối sông Aelder. Chàng mua vọng đèn bỏ hoang cùng nhiều mẩu đất lầy và đồng cỏ nước mặn quanh đó.

Chàng sống cô đơn và cặm cụi làm việc một mình quanh năm. Chàng là họa sĩ chuyên vẽ chim và phong cảnh thiên nhiên. Vì nhiều lí do, chàng đã trốn lánh khỏi xã hội loài người. Người ta có thể tìm ra một vài trong số những lí do đó, trong những chuyến chàng xuống làng Chelmbury, nửa tháng một kỳ để mua thực phẩm, phơi bày tấm thân lệch và bộ mặt đen đúa của chàng dưới những cái nhìn soi mói của dân làng. Bởi vì chàng gù lưng và cánh tay trái có tật teo đi, cổ tay khoèo lại tựa như móng của loài chim.

Ít lâu sau dân làng dần quen với hình dáng kỳ quái của chàng, nhỏ nhưng đầy sức lực, quen dần với chiếc đầu vững chắc, tóc đen, râu rậm hơi tụt xuống phía dưới chiếc gò bí hiểm mọc trên lưng chàng, quen dần với đôi mắt sáng ngời, cánh tay hình móng chim, và đối với họ chàng trở thành “anh chàng vẽ tranh kỳ quái sống ở hải đăng”.

Hình thù quái dị thường làm người có tật hận thù loài người. Nhưng Rhayader không hề thù hận! Chàng thương yêu tha thiết con người, mọi loài muông thú và cảnh vật thiên nhiên. Tâm hồn chàng tràn đầy lòng thương xót và sự cảm thông. Chàng đã làm chủ được điều bất hạnh, nhưng chàng không sao chế ngự nỗi sự hắt hủi phải gánh chịu, sự hắt hủi gây ra bởi hình thù quái dị của chàng. Sự kiện dồn chàng đến thế ảm dật là sự thất bại không tìm thấy nơi đâu sự đền đáp lại mỗi cảm tình nồng nàn từ nội tâm chàng tuôn trào ra. Phụ nữ lẩn tránh chàng. Còn đàn ông có thể đối tốt với chàng, nếu họ hiểu chàng. Nhưng chỉ nghĩ rằng

người đó phải cố gắng mới hiểu được chàng cũng khiến chàng tủi hổ và cũng đủ để chàng lánh xa kẻ ấy.

Năm chàng đến vùng đồng lầy chàng đã hai mươi bảy tuổi. Chàng đã đi du lịch khá nhiều nơi và đã chiến đấu một cách anh dũng trước khi đi đến quyết định rút lui ra khỏi cái thế giới mà chàng không có chỗ đứng như những người đàn ông khác. Ngoài sự nhạy cảm của người nghệ sĩ và sự hiền dịu đầy phụ nữ tính chứa chất trong lồng ngực căng phồng, chàng cũng đàn ông như ai.

Trong cuộc sống ẩn dật, chàng còn có chim chóc, hội họa và cánh thuyền buồm. Chàng có một chiếc thuyền dài mười sáu bộ, mà chàng sử dụng rất tài tình.

Những lúc một mình, không bị ai dòm ngó xét nét, chàng điều khiển nó rất khéo léo bằng bàn tay có tật, chàng cũng thường vận dụng đến hai hàm răng vững chắc để điều chỉnh những cánh buồm bập bùng khi gặp cơn gió chướng.

Chàng thường thả thuyền dọc theo con lạch hay chạy ra khơi, mỗi lần chàng đi tới mấy ngày liền, tìm kiếm những loài chim mới để chụp ảnh hay vẽ phác và chàng cũng lưới được chim khá thiện nghệ để tặng thêm cho bầy hoang diều mà chàng thu thập về nuôi trong chiếc chuồng dựng bên phòng vẽ vốn là trung tâm ở ẩn của chàng.

Chàng không hề bán chim bao giờ và chàng không chịu cho những người săn chim lại gần khu vực chàng ở. Chàng là bạn thân của mọi loài chim hoang dã và chúng cũng đền đáp lại chàng bằng tình thân hữu.

Thuần thực trong khu vườn nhà chàng có giống ngỗng hoang hàng năm cứ đến tháng Mười lại từ miền Băng-đảo và từ quần đảo Spitbergen bay dọc duyên hải mà xuống, từng bầy lớp rợp trời và thỉnh thoảng rào rào tiếng cánh vỗ mỗi khi chúng bay ngang - những con ngỗng thân lông nâu, chân màu hồng, ngực lông trắng với những chiếc cổ lông đen và bộ mặt ngộ nghĩnh, những con hải âu lông trắng ngực có sọc đen và nhiều loại vịt trời, le le, mòng két, mòng đốc...

Vài con được xén lông cánh ở lại làm chim hiệu và mỗi đầu mùa đông chúng sẽ nhả những loài hoang diều dùng cánh nơi đây là chỗ trú ẩn an toàn và sẽ có miếng ăn.

Hàng trăm con đã đến và ở với chàng suốt mùa đông lạnh buốt từ tháng Mười cho mãi tới đầu xuân, khi chúng lại di chuyển về phương Bắc, trở về đất tổ của

chúng, gần bên những vòm băng đá.

Rhayader thấy mãn nguyện khi biết rằng dù cho bão táp có dập vùi, sự lạnh buốt có nghiệt ngã và mỗi ăn có khan hiếm hay những cây sủng lớn mũi nhọn của những người thợ săn đeo túi đựng thú ở xa có nổ, thì những con chim của chàng vẫn bình an - những con chim mà chàng đã tụ tập vào nơi an toàn dưới sự bảo trợ của đôi cánh tay và con tim chàng, những con chim hoang dã hiểu biết và đã đặt lòng tin cậy nơi chàng.

Vào xuân chúng sẽ đáp lại tiếng gọi của quê hương miền bắc, nhưng sang thu chúng sẽ trở lại, trở lại kêu la rồi rít, tru tréo om sòm, huyền não cả vòm trời thu muộn, lượn quanh ngọn hải đăng xưa cũ rồi cùng hạ cánh xuống gần đấy để lại đóng vai khách quý của chàng - những con chim mà chàng còn nhớ rõ là đã nuôi chúng từ năm trước.

Và điều này khiến Rhayader sung sướng, bởi vì chàng biết rằng ẩn bên trong chúng có mầm mống tri giác về sự có mặt và nơi ẩn náu an toàn của chàng, rằng sự tri giác này đã tham dự vào cuộc đời chúng để mỗi khi bầu trời trở xám và gió bắc thổi lộng chúng sẽ tìm lại với chàng không hề lầm lẫn.

Ngoài ra chàng để hết tâm trí vào việc vẽ lại cảnh vật nơi chàng đang sống cùng những sinh vật trong miền. Không có nhiều tranh của Rhayader ngoài thị trường. Chàng say sưa giữ lại, chồng chất chúng trong hải đăng, và xếp đóng ở những tầng trên có tới hàng trăm bức. Chàng không hài lòng về chúng, vì người nghệ sĩ vốn không mấy khi mãn nguyện về những gì mình sáng tạo.

Nhưng vài bức đến tay người thưởng ngoạn đều là những kiệt tác, tràn ngập nguồn sáng và màu sắc từ mặt nước loáng lên, từ những cánh chim bay rung động toả xuống, từ sự gắng gỏi mãnh liệt của những cánh chim bay ngược luồng gió sớm mai đang thổi rạp những ngọn lau lớn xuống. Chàng diễn tả về cô tịch và bầu khí lạnh đượm vị muối, sự vĩnh cửu, vẻ thiên thu của cánh đồng lầy, những sinh vật hoang dã, những đàn chim bay trong bình minh, hoặc thẳng thốt vút lên bầu trời và những bóng chim xoải cánh bay trong đêm lẫn trốn ánh trăng. Vào một buổi chiều tháng Một, ba năm sau khi Rhayader đến ở vùng Đồng lầy, có một cô bé lại gần phòng vẽ trong hải đăng, qua lối bờ đề. Hai tay cô ôm khư khư một gói nặng.

Cô bé trạc mười hai tuổi, mảnh mai, lem luốc, lo lắng và nhút nhát như một con chim, nhưng dưới vẻ lợt lém ấy cô ta đẹp kỳ lạ như một nàng tiên của vùng Đồng lầy. Cô là giống người Saxon thuần túy, to xương, da trắng mịn, với một chiếc đầu còn lớn hơn so với thân hình và đôi mắt thăm thẳm màu tím sẫm.

Cô bé vô cùng khiếp sợ người đàn ông xấu xí mà cô phải đến gặp, vì một huyền thoại về Rhayader đã bắt đầu hình thành, và những người thổ dân ưa săn bắn đâm ra thù ghét chàng vì chàng đã cản trở môn thể thao ưa thích của họ.

Nhưng vượt trên nỗi sợ hãi ấy là tình cảnh nguy khốn của sinh vật mà em đang ấp ủ trên tay. Trong trái tim bé nhỏ của em, đã gắn sâu sự hiểu biết, nhờ nghe người ta đồn đãi quanh vùng, rằng con ngáo ộp sống trong hải đăng có bùa phép chữa lành những thú vật bị thương.

Trước đó chưa bao giờ cô bé nhìn thấy Rhayader và cô suýt hoảng hốt bỏ chạy trước bóng dáng chàng xuất hiện nơi khung cửa phòng vẽ, khi nghe tiếng chân người lại gần - một sự hiện hình dễ sợ với chiếc đầu bù xù và bộ râu đen, chiếc lưng gù buồn thảm và cánh tay khoèo hình móng chim.

Cô bé đứng sững lại, nhướng mắt nhìn chăm chặp hơi sáng như một con chim nhút nhát dưới đồng lầy sẵn sàng cất cánh bay xa.

Nhưng khi chàng lên tiếng, giọng chàng thật trầm và thân thiện :

“Có chuyện gì đấy em?”

Cô bé vẫn không bớt sợ hãi, rụt rè bước tới. Vật mà cô bé ôm trong cánh tay là một con chim lớn màu trắng, con vật nằm bất động. Có những vết máu trên bộ lông trắng và trên chiếc áo của cô bé nơi mảnh vải dùng để lót con chim.

Cô bé đặt con chim vào đôi cánh tay chàng.

“Thưa ông, em bắt gặp nó, nó bị thương. Nó còn sống, phải không ông?”

“Đúng. Đúng đấy, tôi cũng nghĩ vậy. vào đây, vào đây em”.

Rhayder mang con chim vào trong nhà, đặt nó lên bàn, và con vật yếu đuối dựa tựa mình. Tính tò mò lược thắng sự sợ hãi, cô bé vào theo và thấy mình ấm hân lên trong căn phòng có ngọn lửa than đốt để sưởi, căn phòng sáng rực lên dưới những bức tranh màu treo la liệt trên tường, và tràn ngập một mùi hương là lạ nhưng dễ chịu.

Con chim vỗ cánh. Với bàn tay lạnh lạnh, Rhayader trải rộng một trong hai chiếc

cánh trắng lớn ra. Bầu cánh có đốm đen rất đẹp.

Rhayader trầm trồ ngắm nghía và hỏi :

“Này em! Em thấy nó ở đâu đấy?”

“Ở trong đồng lầy, ông ạ, nơi những tay thợ săn đi qua. Loại chim gì ông nhỉ?”

“Loại ngỗng trốn tuyết gốc Canada. Mà tại sao nên nông nỗi này?”

Tên con chim hình như chẳng có ý nghĩa gì đối với cô gái bé nhỏ. Đôi mắt thăm thăm màu tím sẫm sáng lên làm át cả vẻ lem luốc của khuôn mặt gầy đét, chăm chú nhìn con vật bị thương đầy vẻ lo âu.

Cô bé hỏi :

“Liệu ông có chữa cho nó lành được không?”

“Được, được chứ”, Rhayader đáp. “Chúng ta thử xem sao. Lại đây, em giúp tôi một tay nhé”.

Trên chiếc kệ có sẵn kéo, băng và nẹp gỗ để tháo xương bị gãy, và mặc dù có tật, chàng khéo tay lạ thường, ngay cả cánh tay khoèo hình móng chim cũng vậy, cầm vật dụng rất tài.

Chàng nói : “Tội nghiệp, cô ả bị đạn bắn trúng đây. Cánh bị gãy rồi, đầu cánh cũng vậy, nhưng không đến nỗi nặng lắm. Xem nào, mình phải xén lông cánh mới băng bó được, nhưng sang xuân rồi lông cánh sẽ mọc lại và cô ả sẽ lại bay được. Mình sẽ cột chặt cánh vào thân, và như vậy cô ta sẽ không cựa quậy đôi cánh được cho tới khi lành hẳn. Kể đó mình sẽ bó chỗ chân cô ả bị đau”.

Cô bé quên cả sợ, say sưa theo dõi việc làm của chàng, một phần cũng vì chàng vừa bó chiếc chân chim gãy vừa kể cho cô nghe một câu chuyện kỳ diệu.

Con chim còn non, chưa tròn một tuổi. Nó sinh ra ở đất bắc xa xôi, cách mấy trùng biển cả trên một lãnh địa thuộc vương quốc Anh Cát Lợi. Nó bay về phương nam để trốn tuyết, trốn băng giá, trốn làn khí lạnh rợn người, một cơn bão lớn đã vồ lấy nó, đã cuốn nó vào những đợt cuồng phong. Một trận bão thật kinh khủng, mạnh gấp bội đôi cánh lớn của nó, và mạnh hơn bất cứ sức mạnh nào. Ròng rã nhiều đêm và nhiều ngày, trận bão đã xua đuổi nó, không ngừng nghỉ và con chim mắc kẹt không thể làm được gì hơn là nương bay theo luồng gió cuốn. Sau cùng cơn bão tan dần và bản năng tinh tường lại dẫn nó bay theo về hướng nam, nó đã tới một miền đất xa lạ và quanh nó toàn giống chim lạ mà

trước đó nó chưa hề thấy. Sau cùng, mệt lả vì đuổi sức, nó sà xuống nghỉ trên cánh đồng xanh thân thuộc để rồi được viên đạn của người đi săn tiếp đón.

“Một lối tiếp rước tàn nhẫn đối với một vị công chúa từ nơi xa tới viếng thăm”, Rhayader kết luận. “Mình sẽ gọi cô ta bằng biểu hiệu “La Prrincesse Perdue” – Nàng công chúa lạc loài. Rồi chỉ ít ngày sau nàng sẽ khá hẳn đó. Coi nào!”

Chàng thọc tay vào túi lấy ra một nắm hạt. Con ngỗng trốn tuyết mở tròn đôi mắt ra và bắt đầu rĩa mồi.

Cô bé cất tiếng cười thích thú, rồi bỗng nín thở khi chợt nhận ra nơi chốn cô ta đang ở, và không nói nửa lời cô bé quay mình chạy vọt ra khỏi cửa.

“Đợi chút, đợi một chút!” Rhayader la lên và chạy theo ra cửa. Chàng đứng lại nơi ngưỡng cửa và khuôn cửa đóng khung lấy hình thù dềnh dàng của chàng. Cô bé đã thoát ra tới bờ đê ven biển rồi, nhưng nghe tiếng gọi thì dừng lại.

“Này em, em tên là gì nhỉ?”

“Frith”.

“Hả?” Rhayader hỏi. “Tôi chắc là Fritha mới đúng. Thế em ở đâu?”

“Với dân chài dưới bến Wickaeldroth”. Cô bé đọc tên ấy bằng giọng Saxon thật xưa.

“Mai hay một em có lại thăm sức khoẻ nàng Công chúa hay không?”

Cô bé không trả lời ngay khiến Rhayader lại liên tưởng đến những con chim hoang dưới đầm lầy khi hoảng sợ thường bất động trong khoảng một phần mười giây trước khi vỗ cánh bay xa.

Nhưng giọng nói trong trẻo mà yếu ớt của cô bé lại vọng tới chàng : “Có chứ!”

Và rồi cô bé bỏ chạy, mái tóc hung vàng tha thướt tung bay trước gió.

Con ngỗng trốn tuyết bình phục mau lẹ, khoảng giữa mùa đông nó đã tập tễnh đi trong khu đất có hàng rào, hay nhập bọn với những con ngỗng hoang chân hồng, chứ không đi với bọn lông nâu, và nó cũng biết chạy lại tìm ăn mỗi khi Rhayader lên tiếng gọi. Và cô bé, Fritha, hay Frith, là người khách thường xuyên lui tới. Cô bé không còn sợ hãi Rhayader nữa. Trí tưởng tượng của cô bị thu hút bởi sự hiện diện của nàng công chúa áo trắng kỳ ngộ đến từ miền đất lạ cách mấy trùng dương, miền đất toàn màu hồng trên tấm bản đồ mà Rhayader đã chỉ cho em xem, trên đó hai người dựng lại cuộc hành trình vất vả mà cánh chim lạc

lững trong cơn gió bão đã vượt quakể từ khi rời quê hương trên đất Canada để đến miền Đồng lầy rộng lớn trên duyên hải Essex.

Rồi một buổi sáng tháng Sáu một bầy ngỗng chân hồng cuối cùng, no nê, mập mập sau suốt mùa đông ở hải đặng, nghe theo tiếng gọi thôi thúc của miền đất xanh tươi, uể oải bay lên theo vòng tròn ốc mỗi lúc một rộng. Lẫn trong đàn chim đó, rực sáng trong ánh nắng xuân tươi, là thân lông trắng tuyền với hai đầu cánh lớn đốm đen của con chim trốn tuyết. Sự việc xảy ra vào lúc Frith có mặt ở hải đặng. Tiếng kêu của cô bé khiến Rhayader từ trong phòng vẽ nhảy bổ ra.

“Coi kìa! Coi kìa! Nàng công chúa! Bộ nàng cũng bỏ đi hay sao?”

Rhayader ngược nhìn lên trời dõi theo những chấm đen di chuyển. “Chà!” chàng nói, bất giác dập theo lời cô bé. “Nàng công chúa hồi hương! Lắng tai mà nghe, nàng đang từ giã chúng ta đó!”.

Từ trên vòm trời trong vắt vọng xuống tiếng kêu ai oán của những con ngỗng chân hồng, và nổi bật lên trên, cao hơn, trong hơn, là tiếng của con chim trốn tuyết. Những chấm đen di chuyển theo hướng Bắc, kết thành hình chữ V nhỏ dần, rồi mất hút.

Từ bữa con chim trốn tuyết ra đi, Frith không lui tới vụng hải đặng nữa.

Rhayader lại một lần nữa thăm thía ý nghĩa của hai chữ “cô đơn”.

Mùa hè năm ấy, moi trong ký ức, chàng vẽ lại hình dáng thanh thanh của cô bé, mặt lem luốc, mái tóc hung vàng bông bông trong gió lộng tháng chín, trong tay ghì chặt con chim trắng bị thương.

Vào giữa tháng mười, có một chuyện lạ xảy ra. Lúc đó Rhayader đang đứng trong khu đất có hàng rào cho chim ăn. Gió đông bắc gây gấy lạnh và mặt đất râm rì dưới làn nước thủy triều dâng. Vượt lên trên tiếng sóng biển và tiếng gió rì rào, chàng chợt nghe, có tiếng kêu lạnh lạnh, cao vút. Chàng ngược mắt nhìn lên vòm trời chiều vừa đúng lúc để trước hết thấy một chấm đen nhỏ xíu, rồi thấy ảo ảnh một giấc mơ đen trắng chập chờn xuất hiện, nó lượn quanh hải đặng một vòng, rồi, sau chót, một cánh chim thực hạ cánh xuống đất ngay chỗ chuồng chim rồi đường bệ tiến lên đòi ăn như thể nó chưa hề bỏ đi xa bao giờ. Đó chính là con chim trốn tuyết, không thể nào làm lẫn được. Nó đã đi đâu? Chắc chắn là không thể bay về tổ nó bên Canada. Không, chắc chắn là nó đi nghỉ hè ở

Greenland hay Spitzbergen với những con ngỗng chân hồng. Nó đã nhớ và đã trở lại.

Kỳ tới xuống thôn Chelmbury mua lương thực, chàng nhờ cô trưởng trạm bưu điện nhắn tin giùm và điều đó đã khiến cô ta ngạc nhiên không ít. Chàng nói :
“Phiền cô làm ơn nói lại với Frith, cô bé ở dưới xóm chài Wickaeldroth, rằng Nàng công chúa đi lạc đã trở lại”.

Ba hôm sau, Frith, to lớn hơn, nhưng áo quần vẫn xốc xệch, tóc rối, bẽn lén tìm đến hải đăng để thăm nàng công chúa.

Thời gian trôi qua. Trên vùng đồng lầy, bước đi của thời gian được đánh dấu bởi sự lên xuống của nước thủy triều, nhịp đi chậm chậm của bốn mùa, sự di chuyển của chim muông, và, riêng đối với Rhayader, sự đến và đi của con chim trốn tuyết.

Thế giới bên ngoài xao động, bùng sôi và gầm gừ dưới áp lực của một mãnh lực nào đấy, không bao lâu sau đã bùng nổ và đưa thế giới đến bên bờ sự hủy diệt. Nhưng mãi tới lúc đó, Rhayader vẫn chưa chịu ảnh hưởng của thời cuộc, và cả Frith cũng thế. Ngay cả khi cô bé đã khôn lớn, hai người vẫn hoà hợp tự nhiên một cách lạ thường. Khi con chim trốn tuyết có mặt tại hải đăng thì chính cô bé cũng lại lui tới để thăm viếng và học hỏi Rhayader được nhiều điều. Hai người ra biển chơi trên chiếc thuyền buồm chạy nhanh mà chàng điều khiển rất tài tình.

Họ lưới chim hoang để tăng thêm cổ chim đang nuôi, và dựng thêm hàng rào, mở thêm sân che chở cho chúng. Nhờ chàng, cô bé học hỏi được nhiều điều về đủ loại dã điền, từ loài hải âu tới giống chim ưng bay lượn trên vùng đồng lầy.

Thỉnh thoảng cô bé nấu ăn cho chàng và đôi khi cô còn tập pha sơn vẽ nữa.

Nhưng hễ con chim trốn tuyết bay về vùng cư ngụ mùa hè thì mọi chuyện lại xảy ra như thể có một hàng rào ngăn cách giữa hai người và cô gái không lui tới hải đăng nữa. Có một năm con chim không trở lại và Rhayader buồn khôn tả xiết.

Chàng như có cảm tưởng mọi sự đã hết trong đời chàng. Chàng vẽ như điên suốt mùa đông và mùa hè sau đó, và không hề gặp mặt cô bé một lần nào.

Nhưng vào thu, tiếng kêu thân thuộc lại vang trên thính không, và cánh chim trắng khổng lồ, bây giờ đã lớn hết cỡ, từ trời cao hạ xuống cũng bí mật như lúc nó ra đi. Mừng rỡ, Rhayader dong thuyền xuống Chelmbury để nhờ cô trưởng

trạm bưu điện nhắn tin giùm.

Lạ thay, lần này sau khi nhắn tin phải đợi tới hơn một tháng trời Frith mới xuất hiện và Rhayader kinh ngạc đến sửng người khi nhận thấy cô ta không còn là một cô bé nữa.

Và sau cái năm con chim không tới ấy, thời hạn nó vắng mặt càng lúc càng thu ngắn lại. Nó đã trở nên dạn dĩ đến nỗi lúc nào nó cũng quần quít theo Rhayader và nó dám vào cả trong phòng vẽ những lúc chàng đang làm việc.

Mùa xuân năm 1940 bầy di điều rời khỏi vùng đồng lầy sớm hơn thường lệ. Thế giới đã lâm chiến. Tiếng gầm rú của máy bay phóng pháo và tiếng nổ ì ầm của bom đạn làm chúng khiếp đảm. Hôm mùng một tháng năm, Frith và Rhayader đứng vai kề vai bên bờ đê ven biển theo dõi những đốm cánh cuối cùng của đàn ngỗng chân hồng cánh không bị xén và những con ngỗng hoang lông nâu cất cánh bay lên từ nơi chúng trú ẩn. Cô gái thì cao, dáng thanh tú, thanh thoi như gió thoảng, vẻ đẹp mê hồn. Chàng thì đen đúa, thô kệch, cái đầu râu tóc bù xù ngược nhìn lên trời, đôi mắt đen lóng lánh theo dõi đàn chim bay thành hàng.

“Coi kìa, Philip”, Frith gọi.

Rhayader nhìn theo hướng mắt của cô gái. Con chim trốn tuyết đã cất cánh, đôi cánh lớn xoè ra, nhưng nó bay thấp và có lúc bay sát chỗ hai người đứng, sát đến nỗi hai đầu cánh đen gần như quệt vào người họ, và họ cảm thấy luồng gió mạnh của lớp cánh chim tạt vào người. Một lần, rồi hai lần, con chim lượn quanh hải đăng, rồi hạ cánh trong sân, nơi có những con ngỗng bị xén lông cánh còn ở lại, và bắt đầu nhặt mồi ăn thông thả.

“Nó không đi nữa”, Frith nói, đầy vẻ kinh ngạc trong giọng cô gái. Cánh chim trong lúc bay sà xuống sát bên cô dường như đã đem đến cho cô một niềm phấn khởi kỳ diệu “Nàng Công Chúa sẽ ở lại”.

“Phải”, Rhayader đáp, và giọng nói của chàng run lên vì cảm động. “Nàng sẽ ở lại, Nàng sẽ không đi nữa. Nàng Công Chúa đi lạc sẽ không còn đi lạc nữa. Từ nay nơi đây là quê hương của nàng- quê hương do nàng tự ý chọn lựa”.

Sức quyến rũ mà cánh chim vẫn chung quanh cô gái bị rạn vỡ và Frith bỗng ý thức được sự kiện là cô bị kinh hoàng, và nguyên nhân gây nên sự sợ hãi ấy chính là đôi mắt Rhayader - sự van lơn cầu khẩn, nỗi cô đơn và tất cả những gì

thầm kín, sâu xa, sôi động đều tiềm ẩn bên trong và bên trên tia mắt ấy, lúc chàng ngược nhìn cô.

Những lời chàng vừa nói cứ lặp lại trong đầu cô gái tựa như chính chàng vừa nhắc lại : “Từ nay nơi đây là quê hương của cô – cô tự ý chọn lựa”. Bản năng hèn dịu của Frith đã làm Rhayader xao xuyến và làm cho cô hiểu được những ý nghĩ thầm kín mà vì mặc cảm tội nguyên, xấu xí, chàng đã không thể nói được nên lời. Và vì lời nói của chàng có sức phủ dụ, cô lại càng thêm hoảng sợ trước sự yên lặng cùng mãnh lực của những gì không nói ra giữa hai người. Bản năng đàn bà trong cô như thôi thúc cô bỏ chạy trước một sự việc nào đó mà cô chưa đủ khả năng hiểu thấu.

Frith lắp bắp : “Em – em phải về. Thôi chào ông. Em cũng vui là – là nàng công chúa sẽ ở lại. Từ đây ông không cô đơn lắm nữa”.

Cô gái quay lưng, thoăn thoắt bước đi và chỉ thoáng nghe thấy lời chào buồn thảm “Chào em, Frith”, mơ hồ như tiếng ma, lạc trong tiếng gió thổi rì rào trên đồng cỏ hoang. Đi được một thôi dài rồi cô mới dám liếc mắt nhìn trở lại phía sau. Chàng vẫn đứng trên bờ đê, một chấm đen nhỏ in trên nền trời bao la.

Cơn sợ hãi bấy giờ mới tan. Nó nhường chỗ cho một cái gì khác, một cảm giác mát mát là lạ, cảm giác đó mạnh đến nỗi khiến cô đứng sững lại hồi lâu. Rồi, bước đi chậm chạp hơn, cô tiếp tục rời xa dần ngọn hải đăng mọc chĩa lên nền trời như một ngón tay, tiếp tục rời xa dần người đàn ông đứng ở phía dưới.

Sau đó có đến ba tuần Frith mới trở lại hải đăng. Tháng Năm đã gần hết, và ngày hôm đó, ngày cũng dần tàn, vào lúc hoàng hôn đang nhường dần chỗ cho màu trắng bạc của vàng trắng đã treo lơ lửng trên vòm trời phía đông.

Cô gái tự nhủ, trong lúc tiến bước, rằng cô cần phải tới xem con chim trốn tuyết có còn ở lại đúng như lời Rhayader đã nói hay không. Rất có thể là rốt cuộc nó đã bay đi. Những bước đi vững chắc của cô trên mặt đê thật là hăng hái và đôi lúc bất giác cô chợt nhận ra mình đang rảo bước đi mau.

Frith nhìn thấy ánh lửa vàng của chiếc đèn lồng ở dưới bến riêng của Rhayader và cô xuống gặp chàng dưới đó. Chiếc thuyền buồm của chàng nhẹ nhẹ đang đưa trên ngọn nước triều dâng và chàng đang chất lương thực lên thuyền - nước ngọt, thức ăn khô, mấy chai rượu mạnh, đồ dùng trên thuyền và một cánh

buồm phòng hờ. Khi chàng quay lại vì nghe tiếng chân cô đến gần, cô thấy vẻ mặt chàng tái nhợt, nhưng đôi mắt đen lúc bình thường vốn rất ư dịu dàng, đang sáng ngời lên vì cảm kích, và chàng thở hào hển vì mệt nhọc.

Frith bỗng nhiên cảm thấy lo sợ. Con chim trốn tuyết bị lãng quên rồi.

"Philip! Bộ anh dọn đi nơi khác à?"

Rhayader ngừng tay để chào đón cô gái, và trên gương mặt chàng thoáng hiện một vẻ gì khác thường - một sắc diện hơn hờ mà trước đó cô chưa từng thấy bao giờ.

"Frith! Tôi mừng vì em đến đúng lúc. Vâng, tôi phải đi. Một chuyến đi ngắn ngủi. Rồi tôi sẽ trở về". Giọng nói của chàng thường nhạt dịu dàng, bữa nay trở nên khàn khàn vì chàng đã cố gắng rõ rệt để chế ngự cơn xúc động trong nội tâm.

Frith hỏi : "Anh phải đi đâu chứ?"

Rhayader vồn vã kể . Chàng phải đi Dunkerque(9).

Cách chừng một trăm dặm bên kia bờ biển phía Bắc, một đạo binh Anh mắc bẫy ở đó, trên bãi cát, đang chờ bị tiêu diệt bởi bàn tay quân Đức đang tiến tới. Hải cảng ngùn ngụt bốc cháy, tình cảnh thật tuyệt vọng. Chàng nghe được tin ấy khi chàng xuống dưới làng mua lương thực. Nhiều người đã đáp lại lời kêu gọi của chính phủ rời bến Chelmbury với đủ thứ tàu : tàu kéo hàng, tàu đánh cá hay xuống máy, miễn là máy còn chạy nổi đều được kéo ra khỏi cảng, vượt eo biển để lôi binh sĩ ra khỏi bãi biển, chở họ đến những tàu vận tải hay những chiến hạm lớn không vào được chỗ đó. Dân chúng cố gắng cứu sống càng nhiều càng hay số binh sĩ Anh thoát khỏi làn mưa đạn của quân Đức.

Frith lắng nghe và cảm thấy lòng mình buồn như muốn chết. Chàng cho biết là chàng sẽ vượt qua eo biển trên chiếc thuyền buồm nhỏ của chàng. Nó có thể chở được sáu người mỗi chuyến, nếu cần thì bảy người. Chàng có thể chở nhiều chuyến từ bãi biển ra tàu vận tải đậu ngoài khơi.

Cô gái còn trẻ, chất phác, vụng dại. Em chưa hiểu gì về chiến tranh, hoặc về những gì đang xảy ra trên đất Pháp, hoặc về ý nghĩa sự mắc bẫy của đoàn quân Anh, nhưng do linh tính cô gái cũng biết ở nơi xa xôi đó thật nguy hiểm.

"Philip! Anh đi thật sao? Anh sẽ không về được đâu. Mà sao anh lại phải đi?"

Cơn hăng say đang bùng nổ trong tâm hồn chàng tưởng chừng tan biến trước

đợt đầu tiên của những câu nói và chàng cố giải thích bằng những lời lẽ mà cô gái có thể hiểu được.

Chàng nói : “Binh sĩ bị lừa ra bãi biển giống như những con chim bị săn đuổi, Frith ạ, như những con chim bị săn và bị thương mà chúng mình vẫn thường bắt gặp và đưa về nơi trú ẩn. Bay lượn trên họ là một bầy chim bằng thép, những con diều hâu, chim ưng, kên kên, và họ chẳng biết nấp vào đâu để tránh những con chim sắt săn mỗi ấy. Họ bị thua, bị bão táp dồn đuổi, bị đe dọa như nàng công chúa đi lạc mà em đã bắt gặp trong đầm lầy và mang đến cho tôi nhiều năm trước, và chúng ta đã cùng lo chạy chữa. Cũng như bầy hoang diều của chúng ta, những người lính đó cần được giúp đỡ, em ạ. Và vì thế mà tôi phải đi, đó là điều mà tôi có thể làm được. Đúng, tôi làm được mà. Ít ra là một lần - phải, ít ra là một lần tôi có dịp chứng tỏ mình là đàn ông và có thể đảm nhận trách nhiệm của mình”.

Frith nhìn Rhayader trừng trừng. Chàng như đã hoá thân. Lần đầu tiên cô gái thấy chàng không còn xấu xí, tật nguyên nữa, trái lại chàng rất đẹp. Trong tâm hồn cô cũng sôi sục bao nhiêu điều muốn được nói nên lời, nhưng cô không biết nói thế nào.

“Philip! Em sẽ đi cùng với anh!”

Rhayader lắc đầu : “Em đi thì con thuyền sẽ mất bớt một chỗ, do đó một người lính sẽ bị bỏ lại, rồi một người nữa, và một người nữa. Anh phải đi một mình, em ạ”.

Chàng mặc áo mưa, đi giày ống cao su và dong thuyền chạy. Chàng giơ tay vẫy gọi với lại : “Tạm biệt nhé! Nhờ em săn sóc giùm lũ chim đến lúc anh về nghe Frith!”

Frith đưa tay lên, nhưng chỉ tới lưng chừng thôi, vẫy lại : “Cầu xin Chúa che chở cho anh”, rồi cô vội giải thích ngay bằng thổ ngữ Saxon. “Em sẽ săn sóc đàn chim. Cầu trời che chở cho anh, Philip.”

Lúc đó đã vào đêm, trời sáng dưới ánh sao, vầng trăng lưỡi liềm cùng ánh lửa cháy hồng từ phương bắc. Frith đứng trên bờ đê, ngó theo cánh buồm trắng trên con lạch ngập nước triều dâng. Bỗng nhiên từ vùng bóng tối phía sau cô gái, có tiếng cánh bay rào rào và có một vật gì đó bay ngang qua sát bên cô. Trong ánh

sao đêm cô thoáng thấy đôi cánh trắng loé sáng, đầu cánh có đốm đen, và cái đầu cúi về phía trước của con chim trốn tuyết.

Nó bay lên và lượn một vòng quanh ngọn tháp để rồi bay xuôi theo hướng con lạch quanh co trên hồ và cánh buồm của Rhayader đang lướt nhanh dưới làn gió lộng. Con chim bay chậm chậm phía trên con thuyền theo hình vòng tròn rộng.

Còn nhìn thấy cánh buồm trắng và cánh chim trắng trong một hồi lâu.

“Hãy trông chừng chàng, hãy che chở cho chàng”, Frith thì thào. Lúc cả hai cùng khuất bóng, cô gái quay lưng và uể oải cất bước, đầu cúi thấp, đi về hải đăng trống vắng.

Đến đây câu chuyện được chấp nhận đây đó, và một trong những mẫu chuyện vụn vặt đó được thuật lại do lời những người lính đi phép trong quán Crown and Arrow, một quán rượu gần thánh đường East Chapel.

“Một con ngỗng, một con ngỗng tuyệt đẹp đã cứu tôi”, anh binh nhì Potton thuộc Ngự Đoàn bộ binh thành Luân Đôn nói.

“Xì”, người lính pháo thủ có đầu gối cong, tỏ vẻ không tin.

“Đúng là một con ngỗng, tôi chắc mà. Này Jock, cậu cũng trông thấy nó như tôi, đúng không? Nó bay xuống từ đám khói mịt mù, nồng khét của chiến trường Dunkirk (Dunkerque), lơ lửng trên đầu bọn này. Lông nó trắng, đầu cánh có đốm đen, và nó lượn xung quanh bọn này như một phi cơ phóng pháo mắc dịch nọ. Jock thấy thế mới nói : “Tiêu rồi, Thần chết đến tìm bọn mình đó.”

“Bây nào”, tôi cãi, “đây là con ngỗng lông hồng, từ quê hương mình bay sang mang theo thông điệp của ông Churchill, ông ta muốn biết tụi mình đang thưởng thức cái thú tắm mát này ra làm sao. Đây là một điềm báo, đúng mà, dù là điềm báo đầy máu. Rồi thế nào bọn mình cũng thoát mà, bạn ơi.”

“Tụi mình đang bị nướng chín trên bãi biển nằm giữa Dunkirk và Lapanny, giống như một xâu chim câu óng chuốt bên bờ hồ Victoria, đang chờ lão đồ tể Jerry(10) đến vặt lông làm thịt. Chắc chắn hấn sẽ ăn sống nuốt tươi bọn mình. Hấn theo bèn gót mình, thúc cạnh sườn mình và ngay trên đầu mình. Hấn sẽ cho mình một phát đạn ghém và tặng mình tước vị , và từ trên vòm trời trong sáng lũ quỷ Jittersmiths(11) sẽ rắc tiêu lên đầu mình”.

Và ngoài khơi có chiếc Kentish Maid, chiếc tàu chở du khách mà tôi đã đáp

nhieu chuyến đi Margate(12) trong dịp hè, giá vé hai đồng sáu hào, đang chờ đón tụi tôi, nó đậu chỉ cách chỗ bãi biển đang lâm chiến chừng nửa dặm đường. Trong lúc tụi tôi nằm trên bãi biển thì chỉ còn biết chửi thề thôi vì không có cách nào ra được chỗ tàu đậu, một chiếc Stuka(13) nhào xuống con tàu, một chuỗi bom rơi dọc bên hông tàu, khiến nước tung lên trông như những vòi nước vọt trong vườn hoa các dinh thự, có điều là ở vườn hoa thì các vòi nước phun lên đều đều.

Rồi một chiếc khu trục hạm ló ra bảo chiếc Stuka : “Đừng có làm thế”, bằng những tiếng nổ lạch tách, đùng đùng, nhưng một chiếc Jerry khác lại nhào xuống chiếc khu trục hạm và ném bom trúng. Khiếp! Nó nhảy tưng lên! Nó bốc cháy trước khi chìm, rồi khói, mùi khét lẹt tạt vào tận bãi biển, khói vàng, khói đen, và trong đám khói ấy xuất hiện con ngỗng sáng rực, nó lượn quanh chúng tôi đang nằm mắc kẹt trên bờ biển.

Thế rồi, từ một khúc biển uốn quanh xuất hiện một chiếc thuyền nhỏ vấy máu, chạy thật thanh thản tựa như một chiếc du thuyền rực rỡ nhàn nhã rong chơi vào một buổi chiều chủ nhật trên hồ Henlye.

“Ai đó?” một người thường dân hỏi.

“Tôi đây! Tôi đến để cứu các anh đây”. Con thuyền đã vô sự vượt qua làn mưa đạn súng liên thanh từ một chiếc máy bay trong phi đội phóng pháo Đức dội xuống - trước đó nửa giờ một chiếc thuyền gần máy ở Ramsgate đã cố vào chuyển chúng tôi đi và đã bị bắn chìm - mặt nước ngàu lên vì vết đạn cày, nhưng gã lái thuyền như không lưu ý tới, chắc chắn là gã không thèm lưu ý tới. Làm gì có xăng nhớt mà sợ bị máy bay phát nổ, và cứ thế nó len lỏi qua những mũi đạn chúc xuống rào rào.

Từ trong làn khói đen của chiếc tàu bốc cháy rẽ vào chỗ cạn, có một anh chàng nhỏ thó, đen đúa, có râu, một bên cánh tay có tật giống như chiếc móng chim, và một cục bướu trên lưng.

Gã gù cắn chặt sợi dây giữa hai hàm răng, sợi dây trắng bóng giữa bộ râu đen rậm, ngồi đằng đuôi lái gã vẫy chúng tôi lại. Và ngay trên đầu là cánh chim lực lưỡng lượn qua lượn lại.

Thấy thế Jock nói : “Coi kìa, điên thật rồi. Đúng là loài quỷ dữ đến rước mình đi.

Chẳng thà trúng đạn chết mất ngáp còn hơn là trông thấy nó”.

“Bây nào”, tôi cãi, “tôi thấy hấn ta giống ông Thiện chứ không phải loài quỷ dữ”.
Mà thật thế trông hấn ta giống những bức hình in trong những cuốn sách giáo lý với khuôn mặt trắng, và ngay cả con thuyền quái quỷ của hấn nữa.

“Tôi có đủ chỗ cho bảy người mỗi chuyến”, hấn hô lên khi chiếc thuyền ghé lại gần.

Vị sĩ quan chỉ huy chúng tôi đáp : “Anh can đảm lắm! ... Bảy cậu gần thuyền nhất, lên đi!”

Chúng tôi lợi ủa ra tới bên thuyền hấn. Tôi mệt đến nỗi không leo lên được cạnh thuyền, nhưng hấn nắm lấy gáy áo tôi mà lôi lên, miệng nói : “Ráng lên nào, anh bạn”, rồi người kế tiếp leo lên.

Thế là tôi lên được. Chà, hấn mới khoẻ làm sao chứ. Rồi hấn kéo buồm lên, một cánh buồm lỗ chỗ đạn súng máy giống như chiếc sàng sảy lúa, và hấn hô ta :

“Ngồi cả xuống lòng thuyền, mấy chú, phòng trường hợp dọc đường có gặp thêm đồng đội của mấy chú chẳng”, và rồi chúng tôi rời khỏi bờ, hấn ngồi đằng sau lái, răng cắn chặt sợi dây thừng, chiếc tay khoèo hình móng chim nắm giữ một sợi khác, tay phải bẻ lái và rồi con thuyền lướt sóng ra khơi, chạy len lỏi giữa những viên đạn làm tung toé nước, từ một ổ súng đặt ở một nơi nào đó trong bờ biển bắn ra. Và cánh ngỗng lực lưỡng lượn đi lượn lại, kêu quàng quạc át cả tiếng gió và tiếng huyền não mà quân Đức đang tạo nên, giống như ngày đại hội khiêu vũ hoá trang trên đường phố thành Winchester.

Tôi đã bảo anh rằng con ngỗng kia là điềm lành mà”, tôi nói với thằng Jock.

“Nhìn hấn mà xem, hấn là ông Thiện tới cứu mình mà”.

Hấn ngồi ở chỗ tay lái, ngược nhìn lên cánh ngỗng, răng cắn chặt sợi dây thừng, và mỉm cười với con ngỗng như đã từng quen biết nó từ lâu.

Hấn đem chúng tôi ra tới tàu Kentish Maid rồi lại quay thuyền đi chỗ chuyển khác. Suốt buổi chiều và luôn cả đêm hôm đó nữa hấn chở được rất nhiều chuyển, vì cả vùng trời Dukirk cháy sáng rực nên có thể nhìn thấy rõ như ban ngày. Tôi không rõ hấn đi được bao nhiêu chuyến, nhưng hấn và chiếc du thuyền có gắn máy hạo hạng của hội bơi thuyền Thames Yacht Club và một chiếc tàu cấp cứu khác từ bến Poole tới đã hè vào chỗ hết bọn tôi, không sót

một tên nào, ra khỏi cái dải đất đặc biệt của vùng hoả ngục ấy.

Tàu nhỏ neo khi người cuối cùng trong bọn tôi đã lên, có tới trên bảy trăm mạng nhét trên con tàu được đóng để chở chừng hai trăm người. Hấn hãy còn ở lại đó khi chúng tôi khởi hành, hấn vẫy tay từ giã chúng tôi và lại quay mũi theo hướng Dunkerque, con ngỗng vẫn bám sát theo hấn. Trông thật ngộ nghĩnh, cánh chim lực lưỡng bay quanh chiếc du thuyền của hấn, cánh chim loé ngời lửa đạn, tựa như một vị thiên thần trong trắng bay lượn giữa đám khói lửa mịt mờ.

Một chiếc Stuka dọc đường lại tấn công chúng tôi thêm một lần nữa, nhưng anh chàng phi công ý hấn đã thiếu ngủ từ nhiều đêm trước nên oanh kích hụt đích.

Tảng sáng chúng tôi về đến nước nhà bình an vô sự.

Sau đó tôi không biết số phận hấn ra sao, hoặc hấn là ai – cái anh chàng gù lưng với chiếc thuyền buồm bé nhỏ của hấn. Anh chàng đó thật là can đảm và tốt bụng lạ thường”.

“Chà”, người lính pháo thủ nói, “một cánh chim lực lưỡng và hung hung đỏ, có ai biết không nào?”

Một vị sĩ quan hải quân trừ bị, trong bốn ngày cuối cùng của cuộc triệt thoái, đã bị thiệt hại mất hai chiếc tàu kéo lưới Brixham và một chiếc tàu rà mìn Yarmouth được đặt dưới quyền chỉ huy của ông, lên tiếng hỏi : “Bác có nghe nói gì tới huyền thoại khó mà tin được về một con ngỗng hoang không nhỉ? Nó hết bay lên rồi lại bay xuống dọc theo bãi biển. Mà bác cũng thừa biết loại chuyện đó thường xảy ra như thế nào rồi. Có một số binh sĩ tôi chở từ Dunkerque về bàn tán mãi chuyện đó. Con ngỗng xuất hiện trong những ngày cuối cùng từng chập một giữa khoảng Dunkerque và Lapanne. Ai mà may mắn được nhìn thấy con ngỗng là kể như sau đó thế nào cũng được cứu thoát. Bác thừa biết, cái lối nửa hư nửa thực ấy mà...”

“Hè...ừ...ừm”, trung tá Brill Oudener nói, “một con ngỗng hoang à. Theo tôi thấy thì nó đã được dạy cho thuần thực rồi. Một thứ chi tiết vô cùng kỳ lạ. Bi đát nữa, hiểu theo một cách khác. Và thật may cho chúng tôi. Để tôi kể cho bác nghe. Đó là chuyến thứ ba trên đường về. Vào khoảng sáu giờ chiều chúng tôi nhìn thấy một chiếc thuyền nhỏ trôi giạt, trên thuyền dường như có một người hay một cái xác người nào đó, và một con chim đậu trên mạn thuyền.

Khi tới gần, chúng tôi bèn đổi hướng tàu để lại xem có chuyện gì. Trời đất ơi, đúng là một người. Hay đúng ra, trước đó đã là một người. Tội nghiệp hán! Bị trúng một phát đạn liên thanh, nói thế là bác cũng đủ hiểu rồi. Bị nặng lắm! Đầu gục xuống nước. Con chim, một con ngỗng, loài ngỗng đã được huấn luyện thành thực.

Chúng tôi ghé lại gần, nhưng khi một người trong bọn chúng tôi định leo lên thuyền thì con chim kêu rít lên và dang cánh ra đập hán. Không lấy được xác gã kia ra. Bất thần, Kettering, một chú lính trẻ theo hộ vệ tôi, hét lên, giơ tay chỉ xuống mạn tàu bên phải. Một trái thủy lôi bập bênh sát bên. Trái thủy lôi khủng khiếp của bọn Đức. Nếu chúng tôi đi thẳng thì thế nào cũng đụng nhằm trái thủy lôi đó rồi. Chúng tôi lái tránh cho trái thủy lôi dạt ra xa. Khi nó đã giạt ra xa, cách chiếc xà lan cuối đoàn chừng một trăm thước, thì mấy anh lính lấy súng nhắm bắn cho nó nổ tung lên.

Khi chúng tôi quay lại tìm kiếm chiếc thuyền trôi giạt thì nó đã biến đâu mất. Chìm rồi. Thủy lôi nổ, rung động, làm thuyền lật, bác biết đấy. Kéo theo cả cái gã kẹt trong thuyền. Tựa như gã cột người gã vào với chiếc thuyền. Con chim bay lên và lượn vòng quanh. Nó lượn ba vòng tựa như một chiếc máy bay lượn chào làm chúng tôi sửng sờ hồi lâu. Rồi nó bay về hướng tây. Cũng may cho chúng tôi đã lên boong xem, nếu không thì sao nhỉ? Mà cũng ngộ là bác đã đề cập tới chuyện con ngỗng đó”.

Fritha ở lại một mình trong hải đăng nhỏ bé trên vùng đồng lầy rộng lớn, săn sóc những con chim bị xén lông cánh còn ở lại. Cô chờ đợi mà chẳng biết mình chờ đợi gì. Những ngày đầu tiên cô hay lên bờ biển ngắm chờ, dù cô đã biết là uổng công vô ích. Sau đó cô thơ thẩn đi khắp các căn buồng để đồ trong hải đăng, nơi chất đầy những bức họa trên đó Rhayader đã mô tả lại tất cả những cảnh trí cùng những tác động của ánh sáng trên vùng đất hoang vu và vẻ đẹp huy hoàng của các loài dị điều sống nơi đó.

Trong số tranh ấy cô gái tìm thấy bức chân dung Rhayader vẽ mình theo ký ức, đã nhiều năm về trước, hồi cô còn là một cô bé nhỏ xíu, nhút nhát, đầu tóc rối bù đứng bên ngưỡng cửa, ghì chặt trong lòng con chim trốn tuyết bị thương.

Bức họa và những gì cô gái nhận thức được đã khiến cô xúc động như chưa

từng xúc động, vì Rhayader đã gửi gắm rất nhiều tâm hồn chàng vào đấy. Lạ thay, đó là lần duy nhất chàng vẽ con chim trốn tuyết, con vật lạ loài, bị bão táp xô giạt đến từ miền đất lạ, con vật đã mang tình bạn đến cho cả hai người, và chính con vật ấy, cuối cùng đã trở lại báo cho cô biết là cô sẽ không bao giờ còn gặp lại chàng nữa.

Khá lâu trước khi con chim trốn tuyết từ vùng trời phía đông ửng hồng sà xuống lượn vòng quanh hải đăng như ngỏ lời chào vĩnh biệt, Fritha nhờ sự linh cảm mãnh liệt sẵn có trong cô đã biết trước là Rhayader sẽ không bao giờ về nữa. Cũng chính vì thế, vào lúc trời chiều, nghe tiếng chim kêu lạnh lốt quen thuộc từ trời cao vọng xuống, lòng cô không trải qua một giây phút hy vọng hão huyền. Giây phút ấy, dường như cô đã từng sống qua rất nhiều lần, nên không còn ảo vọng.

Cô gái hối hả chạy ra bức trường thành, đôi mắt không hướng ra phía eo biển xa vời mà từ đó một cánh buồm có thể xuất hiện, nhưng lại ngược lên vòm trời đỏ rực mà, từ đó, con chim trốn tuyết rơi thẳng xuống như một hòn đá. Cánh chim từ trời cao rớt xuống, tiếng kêu náo nùng của nó, và sự cô quạnh vây bọc quanh cô, đã phá vỡ con đập ngăn giữ mọi xúc cảm trong cô, thả tung mối tình không ngăn giữ được, không chối cãi nổi, tuôn trào thành suối lệ.

Một linh hồn hoang dã kêu gọi một linh hồn hoang dã khác, cô có cảm tưởng như mình đang bay theo cánh chim to lớn bay vút lên vòm trời chiều và lắng nghe lời Rhayader nhắn nhủ.

Trời đất như vang vang lời nhắn gửi và cô rung rung theo hoà âm đó với một cường độ vượt quá sức cô. “Frith, Fritha! Frith, em yêu. Vĩnh biệt nhé, người em yêu dấu”. Đôi cánh trắng, có đốm đen, như quạt vào lòng cô những lời âu yếm ấy, và lòng cô đáp lại : “Philip, em yêu anh”.

Có một lúc Frith đã tưởng là con chim trốn tuyết sắp hạ cánh trong khuôn vườn, khi những con ngỗng bị xén cánh kêu vang lời chào đón. Nhưng nó chỉ sà xuống thấp rồi lại bay vút lên, lượn một vòng tròn rất đẹp mắt, quanh ngọn hải đăng cổ xưa một lần nữa rồi bay lẫn trong đám mây cao vút.

Nhìn cánh chim bay vút lên cao, Frith không còn thấy hình ảnh con chim trốn tuyết nữa, mà chỉ thấy linh hồn của Rhayader đến già biệt cô gái trước khi chấp

cánh bay vào cỏi hư vô.

Cô gái không còn bay theo cánh chim nữa mà trở lại buộc ràng trên mặt đất. Cô dang hai cánh tay giơ lên trời, những ngón chân nhón cao, vọt theo, miệng kêu lên : “Xin trời đưa dẫn anh, ra đi êm đẹp nhé, hỡi anh Philip của em!”

Nước mắt Frith như khô cạn. Khi bóng chim mịt mù, cô còn đứng đó, âm thầm ngó lên trời cao trong một hồi lâu. Rồi cô trở lại ngọn hải đăng tìm lấy bức chân dung Rhayader đã vẽ mình. Ghì chặt bức hoạ vào ngực, cô trở về nhà, đi dọc theo con đê ven bờ biển cả.

Đêm đêm, trong nhiều tuần kế tiếp sau đó, Frith còn trở lại hải đăng cho lũ chim bị xén lông cánh ăn. Rồi vào một buổi sớm mai, một phi công Đức trong một phi vụ lúc trời chưa sáng tỏ đã lầm tưởng ngọn hải đăng cũ hoang phế là một mục tiêu quân sự đang hoạt động nên nhào xuống như một cánh chim ưng bằng thép và bắn phá ngọn hải đăng cùng tất cả những gì còn lại trong đó tan thành cát bụi.

Tối hôm đó, khi Fritha trở lại, sóng biển đã ủa qua những bức tường sụp đổ và bao phủ lên tất cả. Không còn gì sót lại khả dĩ làm cho giảm bớt quanh cảnh ảm đạm thê lương. Không một cánh chim nào trong vùng đồng lầy dám trở lại. Chỉ có những con hải âu dạn dĩ chập chờn bay lượn, nước nở kêu thương quanh nơi chốn cũ – nơi mà khi vàng thái dương mới ló còn là ngọn hải đăng xưa.

---Hết---

(1) Phía Đông Nam nước Anh, gần miền Bắc nước Pháp.

(2) Gốc ở miền Bắc nước Đức tràn xuống chiếm nhiều miền của nước Anh từ thế kỷ thứ V, VI.

(3) Dân Normand thuộc miền Bắc nước Pháp, đối diện với nước Anh, tới xâm chiếm nước Anh năm 1066. Trận Hastings bên bờ eo biển Anh đánh dấu sự toàn thắng của họ.

(4) Những tảng đá đặc biệt này dùng để xây bức trường thành ngày xưa.

(5)Thị xã miền Bắc nước Pháp, nơi quân đội Đồng Minh (Anh) rút lui dưới làn mưa đạn của quân địch (Đức quốc xã). Trận Dunkerque là một trận nổi tiếng thời chiến tranh thế giới thứ hai.

(6) : Tiếng lóng của người Anh dùng để chỉ người Đức, nhất là người lính Đức.

(7) : Tên máy bay Đức.

(8) : Một hải cảng và là nơi nghỉ mát miền đông nam nước Anh.

(9) : Loại máy bay phóng pháo Đức dùng trong thời đệ nhị thế chiến.

Paul Gallico

Con búp bê diệu kỳ

Câu chuyện tôi sắp kể sau đây diễn ra cách đây ba năm và tất cả vì một con búp bê. Tôi là một bác sĩ và tên tôi là Stephan Amony.

Tôi sống và làm việc ở thành phố Luân Đôn, gần sông Thên. Tôi còn nhớ rõ buổi sáng tháng Mười năm ấy, từ cửa sổ nhà mình tôi thấy mặt trời đang chiếu sáng trên dòng sông.

Tôi rời nhà và đi mua tờ Thời báo, cái việc mà tôi vẫn làm sáng sáng. Khi đến quầy báo, tôi chợt nhớ rằng mình cần phải mua một món quà cho đứa cháu gái vào sinh nhật sắp tới. Như thường lệ, cửa hàng có rất nhiều đồ chơi, bút màu và giấy màu, một vài thứ trong số đó dường như đã ở trong tủ kính rất lâu. Tôi quyết định mua một con búp bê cho cháu gái tôi vì nó rất đẹp. Con búp bê nằm ở cuối góc tủ, nó làm bằng vải, khuôn mặt được vẽ thật đẹp và đáng yêu nhưng đôi mắt thì đờm buồn, tôi thấy thương cho nó phải ở trong cái tủ kính chật hẹp đó. Tôi quyết định nhìn nó kỹ hơn.

Cửa hiệu đó của một người đàn ông tên là Jim Carter. Khi tôi đi vào, ông ta mỉm cười “Xin chào bác sĩ”, ông đến mua báo phải không?”. “Vâng, tôi muốn một món quà cho đứa cháu gái, tôi muốn xem con búp bê trong tủ của ông, nó được làm bằng vải”. Ông chủ cửa hàng nhìn tôi ngạc nhiên “Con búp bê à, nó đặc biệt

nhưng mà đắt đấy bác sĩ à”.

Jim lấy con búp bê ra khỏi tủ kính và đưa cho tôi. Khi cầm con búp bê tôi ngạc nhiên đến nỗi suýt đánh rơi. Nó được làm rất đẹp và trông giống như thật. Trang phục của con búp bê được làm bằng tay và khuôn mặt, mặc dù tôi không nhìn rõ lắm, được vẽ bởi một nghệ sĩ. Nó thật đáng yêu. Bất kỳ ai làm ra con búp bê này chắc chắn đã làm nó với sự yêu mến và cẩn thận, nó thật dịu dàng và đó là cảm giác đầu tiên khi tôi nhìn thấy khuôn mặt nó.

Tôi đặt con búp bê nhẹ nhàng xuống và hỏi “Con búp bê này bao nhiêu tiền?” Ông chủ cửa hàng bảo “Tôi đã nói với bác sĩ rằng nó rất đắt, ở Luân Đôn người ta bán với giá hai mươi bảng nhưng ở đây tôi lấy ông mười một bảng thôi”. “Ai đã làm ra nó vậy?” - tôi hỏi vì tò mò muốn biết ai đã làm ra con búp bê xinh đẹp này. “Đó là người đàn bà ở phố Harley, bà ta sống ở đây nhiều năm rồi, thỉnh thoảng bà ta đến đây bán búp bê cho tôi”. Tôi hỏi Jim bà ta tên là gì và trông như thế nào. “Tôi cũng không chắc, hình như bà ta tên là Callamy. Bà ta cao, tóc đỏ và mặc quần áo đắt tiền. Mặt bà ta trông khó chịu và ít khi nói chuyện khi đến đây”. Ông ta ngừng một lát rồi nói thêm “Tôi chưa bao giờ thấy bà ta cười”.

Tôi không thể hiểu được điều này, làm sao một người đàn bà như thế lại làm ra những con búp bê xinh đẹp đến vậy. Khi tôi đếm tiền tôi cảm thấy mình thật ngớ ngẩn. Mặc dù con búp bê để làm quà tặng nhưng nguyên nhân chính để tôi mua nó là tôi không thể để con búp bê xinh đẹp như vậy trong một cửa hàng đầy bụi. Tôi mang con búp bê về nhà và đặt trong căn phòng nhỏ của tôi và trong căn phòng này dường như càng phù hợp hơn với vẻ đáng yêu của nó. Tôi cho nó vào một cái hộp được bọc bằng giấy màu nâu. Buổi chiều hôm đó tôi mang đến bưu điện và gửi cho cháu tôi.

Tôi nghĩ rằng tôi sẽ quên con búp bê đó nhưng tôi đã không. Tôi không thể không nghĩ về nó. Làm sao một con búp bê đẹp đến vậy lại được làm bởi bàn tay của người phụ nữ như Jim bảo được chứ. Khi tôi đang cố tìm ra người phụ nữ đó là ai thì có rất nhiều trẻ em bị ốm, đặc biệt trong thời tiết giá lạnh và ẩm ướt và tôi đã bận rộn vài tuần liền, tôi đã quên cả người đàn bà và con búp bê.

Một ngày kia, vài tuần sau đó, tôi có điện thoại, giọng một người phụ nữ: “Đó có

phải bác sĩ Amony không?”. “Vâng tôi đây”. “Ông có thường xuyên đi khám cho bệnh nhân không?”. “Có, thỉnh thoảng”. Bà ta hỏi tôi bao nhiêu tiền một lần khám bệnh, giọng người phụ nữ có vẻ hơi cáu bẳn. Bà ta dường như quan tâm tới tiền nhiều hơn tới người đang ốm. Tôi nói một lần khám bệnh mất năm bảng nhưng nếu bà ta không thể trả tiền thì tôi cũng không đòi hỏi. “Được rồi”. Người đàn bà nói “Tôi sẽ trả ông năm bảng tôi tên là Rose Callamit, nhà tôi ở cạnh hiệu bánh ở trên đường Harley, phòng của tôi ở trên tầng hai”. “Tôi sẽ đến đó ngay” tôi nói. Tôi đến căn nhà đó sau mười phút. Tôi lên cầu thang, đó là một cầu thang chật hẹp, bụi bặm và tối mò. Khi tôi lên đến đầu cầu thang, cửa đã được mở và một giọng nói vọng ra “Ông bác sĩ đấy à, vào đi tôi là Rose Callamit đây”. Trước mặt tôi là một người đàn bà với một mái tóc đỏ kỳ dị. Mắt bà ta màu đen, môi bà ta bóng và sáng đỏ. Bà ta khoảng bốn lăm, năm mươi gì đó.

Tôi thất vọng khi nhìn thấy người đàn bà và tôi càng thất vọng hơn khi vào trong căn phòng. Đồ đạc trong phòng đều là đồ xuềnh xoàng và trên chạn bát, trong góc phòng có một vài cái chai và mấy cái chén nhỏ. Ở đây không có tí hơi ấm nào, căn phòng lạnh lẽo và bẩn thỉu. Và khi đã ở trong nhà tôi nhìn thấy mấy con búp bê, chúng được treo trên tường, một vài con khác bị vắt một cách cầu thả ở trên giường. Mỗi con búp bê có một vẻ khác nhau nhưng đều có một đặc điểm chung, đó là vẻ dịu dàng, đáng yêu giống như con búp bê tôi đã mua cho cháu gái của mình. Tôi đoán người đàn bà kia không thể làm ra những con búp bê như thế này.

“Ông quá trẻ để làm một bác sĩ”, bà ta nói. Tôi trả lời bà ta một cách gay gắt bởi vì sự thất vọng khi nhìn thấy những con búp bê ở trong nhà. “Tôi già hơn bà tưởng nhiều, nhưng nếu bà nghĩ tôi trẻ quá, tôi sẽ đi ngay”. Bà ta cười “Đừng có mà giận dữ bác sĩ, nhưng trông ông rất đẹp trai”. “Tôi là bác sĩ nên không có nhiều thì giờ, ở đây ai bị ốm?”. “Không phải tôi mà là cháu gái tôi. Nó đang ở trong phòng trong, tôi sẽ đưa ông vào đó. Trước khi bước vào tôi thấy cần phải biết về những con búp bê, tôi hỏi “Bà làm ra những con búp bê này à?”. “Vâng, nhưng tại sao?”. “Vì một vài nguyên nhân tôi cảm thấy buồn, tôi đã mua một con búp bê cho cháu tôi”. Bà ta cười “Tôi đoán ông chắc phải trả rất nhiều tiền”.

Người đàn bà dẫn tôi qua một hành lang nhỏ ở phía trong. Khi bà ta sắp mở cửa

bà ta kêu to “Mary, bác sĩ đã đến”. Sau đó bà đẩy tôi vào. Bà ta cố ý nói to để cô gái có thể nghe thấy “Đừng ngạc nhiên nhé bác sĩ, chân cô ta bị khoèo”. Cô gái đang ngồi trên một chiếc ghế ở cạnh cửa sổ. Khi cô nghe thấy những lời như vậy, sự tuyệt vọng càng hiện sâu trên khuôn mặt. Tôi căm thù người đàn bà quái ác đó. Những lời của bà ta khiến cô gái phải nghĩ về cái chân của mình. Mary chưa tới hai mươi tuổi nhưng khuôn mặt rất xanh xao, cô ấy có một đôi mắt to đen. Dường như linh hồn cô ấy đang chết dần, cô ấy rất yếu.

Từ những giây phút đầu tiên tôi đã xúc động bởi sự ngọt ngào trong khuôn mặt buồn của cô ấy. Cô ấy gầy gò, mái tóc khô. Nhưng tất cả những điều ấy vẫn làm tôi rung động. Cô ấy được bao quanh bởi những chiếc bàn nhỏ. Một trong số chúng để đầy sơn và bàn chải, những cái khác để kim, chỉ khâu và một vài mảnh vải với nhiều màu và kích cỡ khác nhau. Tất cả những thứ đó để làm những con búp bê.

Tôi có thể nhận ra sự ốm yếu của cô ấy không phải do cái chân bị khoèo. Nhưng cái chân cô ấy thu hút sự chú ý của tôi. Đó là cái cách cô ấy ngồi. Tôi nghĩ nếu được điều trị tôi có thể kéo thẳng cái chân ra cho cô ấy. “Cô có thể đi được không Mary?”. “Có”. Cô ấy nói nhẹ nhàng. “Hãy đi đến chỗ tôi”. “Không, tôi không thể. Đừng bắt tôi”. “Tôi không muốn làm cô đau đầu nhưng tôi phải biết chắc chắn, cố lên Mary”.

Cô ấy cẩn thận đứng dậy và lê từng bước đến chỗ tôi. Tôi nhìn rất kỹ cái chân của cô ấy tôi chắc mình sẽ chữa được cái chân cho cô ấy. “Tốt rồi”, tôi mỉm cười. Tôi đưa tay ra giúp cô ấy. Khi Mary ngẩng lên tôi chứng kiến sự tuyệt vọng, đau khổ mà cô ấy đang phải chịu đựng. Cô như muốn khóc trong câm lặng khi được tôi giúp. Tay cô ấy với tới tôi và sau đó lại thõng xuống. Thế là hy vọng đã ra đi. “Cô đã bị như thế này bao lâu rồi Mary?”. Bà Rose nói, “Mary bị khoèo chân gần mười năm rồi, nhưng tôi mời ông đến đây không phải vì việc ấy. Cô ấy đang bị ốm. Tôi muốn biết có vấn đề gì đối với cô ấy”. Đúng vậy, cô ấy đang bị ốm. Cô ấy đang chết dần khi tôi nhìn vào khuôn mặt của cô ấy.

Tôi hy vọng rằng bà Rose sẽ rời khỏi phòng nhưng bà ta không. Bà ta cười, “Tôi sẽ ở đây bác sĩ. Ông phải tìm ra có vấn đề gì với cô ấy và nói cho tôi biết”. Khi tôi khám cho Mary xong tôi và bà Rose đi ra phòng ngoài. Tôi nói tôi có thể kéo

thẳng cái chân cho cô ấy, nếu được điều trị cô ấy có thể đi được. “Thôi đủ rồi đấy” bà ta quát vào mặt tôi. “Nếu ông còn dám nói về những điều đó. Cô ta đã được khám bởi những người giống như ông. Tôi không muốn một vài tay trẻ tuổi ngu ngốc gọi cho cô ta những hy vọng. Nếu ông tiếp tục làm việc ấy thì ông đừng bao giờ đến đây nữa. Tôi chỉ muốn biết có vấn đề gì với Mary. Cô ấy không ăn cũng không ngủ, cô ấy không làm việc tốt được. Ông đã tìm ra nguyên nhân gì chưa?”.

“Tôi vẫn chưa biết có điều xảy ra với Mary nhưng tôi biết cô ấy đang dần dần bị phá hủy. Tôi sẽ khám cho cô ấy lần nữa và tôi sẽ đưa cho cô ấy một ít thuốc. Nó sẽ giúp cô ấy khoẻ hơn, tôi sẽ quay lại trong vài ngày tới”. “Ông không được nói gì về việc chữa cái chân cho cô ấy. Ông hiểu không? Nếu ông tiếp tục như vậy tôi sẽ gọi bác sĩ khác”. “Được rồi”. Tôi nghĩ mình sẽ đến thăm Mary, và có lẽ khi nào cô ấy khoẻ hơn tôi sẽ nói cho Mary biết về cái chân của cô ấy.

Khi cầm túi của mình, tôi hỏi “Có phải bà bảo rằng bà làm ra những con búp bê này phải không?”. “Chính tôi”, bà ta nói một cách khó chịu. “Tôi đã vẽ chúng và sau đó để Mary làm. Điều đó giúp cô ấy không nghĩ về cái chân của mình nữa và sự thực là cô ấy sẽ không có gia đình và con cái”. Tôi đi ra ngoài trong một ngày tháng Mười quang đãng, tôi biết rằng bà Rose đã nói dối. Tôi phải tìm ra con người tuyệt vời nào đã làm ra những con búp bê kỳ diệu kia, mặc dù hạnh phúc nghĩ về điều đó. Tôi rất lo lắng cho Mary trừ khi tôi tìm ra có điều gì đang xảy ra với cô ấy, nếu không cô ấy sẽ chết.

Trong tuần tiếp theo tôi đến thăm Mary. Tên thật của cô ấy là Mary Nolan, khi cô ấy mới mười lăm tuổi cô ấy bị tai nạn xe hơi. Cả bố cô và mẹ cô đều chết và Mary bị thương nặng. Chính tai nạn đó khiến cái chân cô ấy bị khoèo. Toà án yêu cầu bà Rose chăm sóc Mary bởi vì không có ai chăm sóc được cô ấy nữa. Bà Rose nhận chăm sóc cô bởi nghĩ rằng bố Mary rất giàu. Nhưng khi bà ta biết rằng cô chỉ có một món tiền nhỏ bà ấy đã đối xử độc ác với Mary. Bà ấy làm cho cô ấy đau khổ càng nhiều càng tốt. Bà ta để Mary không bao giờ quên cái chân của cô ấy. Bà ta muốn nói rằng sẽ không người đàn ông nào dám yêu Mary. Cô sẽ không bao giờ có chồng và có con, không người đàn ông nào muốn có một người vợ bị khoèo chân.

Nhiều năm đã trôi qua Mary dần dần tin tưởng vào bà cô của mình. Cô ở với bà Rose và làm những điều bà ta yêu cầu. Mary không có điều gì để chống lại bà cô của mình và dời đi nơi khác, cô ấy sống một cuộc đời vô vọng và bất hạnh.

Khi Mary bắt đầu làm những con búp bê, bà Rose thấy những con búp bê rất đáng yêu và biết rằng chúng có thể bán được nhiều tiền. Sau khi đã bán được vài con, bà ta bắt Mary làm từ sáng đến đêm khuya. Điều này tiếp tục trong nhiều năm nhưng bây giờ Mary đang bị ốm. Mặc dù không yêu quý gì Mary nhưng bà Rose biết rằng nếu không có Mary thì sẽ không có tiền.

Khi tôi đang tìm hiểu nguyên nhân cái gì đang giết chết Mary, tôi phát hiện ra rằng cô ấy rất sợ bà cô của mình. Nhưng tôi không thể tìm hiểu gì hơn từ Mary bởi vì bà Rose luôn ở bên cạnh chúng tôi. Tôi cảm thấy khó khăn để nói cho Mary bất cứ điều gì trong phòng. Tôi chưa nói cho Mary biết rằng tôi có thể chữa được cái chân cho cô ấy. Điều quan trọng là tôi cần phải khám phá ra tại sao cô ấy không muốn sống nữa.

Mười ngày tiếp theo Mary đã khá hơn. Tôi yêu cầu cô ấy không làm búp bê nữa. Tôi mua cho cô ấy một vài quyển sách và vài chiếc sôcôla. Lần tiếp, tôi đến thăm, Mary đã mỉm cười giống như lần đầu tiên tôi gặp cô ấy. Cô sẽ khá hơn nhiều nếu không phải làm những con búp bê trong mười ngày tới. Tôi muốn Mary được nghỉ ngơi, ngủ và đọc sách sau đó sẽ tính tiếp. Nhưng tôi biết rằng bà Rose không vừa lòng khi nghe những điều đó.

Lần tiếp theo, khi tôi đến thăm Mary, bà ta đã đợi sẵn “Ông không cần phải đến đây nữa, ông bác sĩ ạ”. “Nhưng còn Mary?” tôi nói. “Mary đã khỏe rồi”. “Xin tạm biệt bác sĩ”. Tôi nhìn thấy những cái hộp đặt ở góc phòng, có vài ba con búp bê mới nằm ở trên đó. Khuôn mặt chúng vẫn đáng yêu nhưng đối với tôi chúng chứa đầy sự chết chóc. Bỗng nhiên tôi lo sợ cho Mary. Tôi biết rằng bà Rose đang nói dối. Tôi muốn đẩy bà ta ra để vào thăm Mary. Nhưng tôi là một bác sĩ và khi người ta không cần nữa thì nhiệm vụ của tôi là phải ra đi. Tôi chưa tìm ra vấn đề gì với Mary và tôi đoán rằng bà Rose sẽ tìm một bác sĩ khác. Rất buồn, tôi rời đi và những ngày sau đó tôi không thể nào quên được Mary. Tôi lúc nào cũng nghĩ về Mary.

Chẳng lâu sau chính tôi cũng bị ốm, ban đầu thì chỉ nhẹ thôi nhưng càng ngày

càng nặng hơn. Tôi mời một anh bạn bác sĩ đến khám nhưng anh bảo rằng anh không thấy trục trặc gì với tôi cả. Anh ta nói rằng chắc là do tôi làm việc quá nhiều. Nhưng tôi biết đấy không phải là nguyên nhân. Tôi càng ngày càng tệ hơn, tôi không muốn ăn và bị sút cân, mệt mỏi vô cùng. Buổi đêm tôi cũng không ngủ được bình yên, thỉnh thoảng tôi mơ thấy Mary đang gọi tôi đến cứu trong khi bà Rose giữ chặt cánh tay cô ấy. Tôi bắt đầu xanh xao và gầy đi rõ rệt, tôi không thể quên rằng mình đã không giúp được Mary. Cô ấy muốn được tôi giúp nhưng tôi đã không làm được gì cho cô ấy cả.

Một buổi tối kia khi tôi mệt mỏi và ngủ được tí nào. Tôi thức dậy và đi đi lại lại trong phòng, tôi nghĩ về bản thân và căn bệnh của mình. Hình như tôi cũng bị ốm giống Mary. Đột nhiên tôi phát hiện ra nguyên nhân: Tôi đã yêu Mary mất rồi. Tôi bị ốm bởi vì tôi không thể nhìn thấy và chăm sóc cô ấy. Bây giờ thì tôi biết rằng tại sao Mary đang chết dần. Cô ấy đang chết dần, bởi vì không có ai yêu cô ấy và không có ai trên thế giới này cho cô ấy hy vọng. Mẹ cô ấy và bố cô ấy đều đã chết, bà Rose giữ cô bởi vì bà kiếm được tiền nhờ vào việc bán những con búp bê. Mary không có bạn bè và tôi tệ hơn, bởi vì cái chân của cô ấy, cô ấy cảm thấy mình thật xấu xí. Cuộc đời cô ấy thật trống rỗng cô ấy không có gì cả ngoại trừ những con búp bê ra. Tôi biết rằng tôi phải đến thăm Mary, tôi phải nói với Mary một điều gì đó, nếu không tôi sẽ mất vĩnh viễn.

Sáng hôm ấy tôi gọi điện đến cửa hàng ông Jim Carter. “Đây là bác sĩ Amoney. Jim, ông có thể làm ơn giúp tôi một việc được không?”. “Bất cứ điều gì, bác sĩ. Ông đã cứu con trai tôi và tôi sẽ làm bất cứ điều gì ông yêu cầu”. “Cảm ơn ông”. “Ông có nhớ cái bà bán búp bê cho ông không?”.

“Nếu lần sau bà ta đến đây tôi muốn ông gọi điện cho tôi và sau đó ông cố giữ bà ta ở lại khoảng ít phút”. “Được rồi”. “Tôi sẽ cảm ơn ông suốt cả cuộc đời”. Tôi sợ rằng khi tôi ra ngoài thì Jim gọi đến cho nên mỗi buổi tối tôi thường qua cửa hàng ông ấy, nhưng ông ấy chỉ bắt tay tôi và nói chưa có tin tức gì cả. Một ngày kia, vào lúc năm giờ chiều chuông điện thoại reo. Jim gọi điện cho tôi “Ông có thể đến được rồi đấy”.

Tôi mất đến vài ba phút để chạy đến nhà Mary. Khi lên cầu thang, tôi hy vọng mình có thể vào được nhà. Thật may mắn, cửa không khoá. Bà Rose tưởng

rằng sẽ quay về trong vài phút.

Mary rất gầy và yếu, cô ấy vẫn bao quanh bởi những bút sơn và những mảnh vải, cô ấy dường như muốn làm thêm một con búp bê nữa trước khi chết. Cô ấy ngẩng lên khi tôi bước vào, mắt cô ấy mở to và ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi. Cô ấy tưởng tôi là bà Rose. Cô ấy gọi tên tôi, không phải là “Bác sĩ Amony” mà là “Anh Stephan!”. “Mary!” tôi kêu lên. “Nhờ chúa anh đã đến kịp, anh đến đây để giúp em”. “Anh đã biết điều gì làm em ốm rồi”. “Bây giờ có còn quan trọng nữa đâu.” Cô ấy thì thầm. “Vẫn còn kịp mà, anh biết được bí mật của em, anh biết cách làm cho em khỏe nhưng em phải nghe anh nói”. Cô ấy nhắm mắt lại “Thôi, đừng. Hãy để mặc em, em không muốn biết gì hết. Rồi mọi việc sẽ sớm kết thúc thôi mà”.

Tôi ngồi xuống và cầm lấy tay cô ấy. “Mary, hãy nghe anh. Mỗi người đều có một kho tình yêu cho suốt cuộc đời họ. Cái kho này được xây từ khi họ còn là trẻ con. Họ nhận được tình yêu từ gia đình của mình khi họ trưởng thành. Khi họ lớn hơn tình yêu được trao tặng và chiếc kho lại được đổ đầy sự tốt bụng, hạnh phúc, niềm vui và sự hy vọng. Bao giờ trong kho cũng có một chút gì còn lại. Nhưng kho tình yêu của em thì hoàn toàn trống rỗng, em không còn gì cả”.

Tôi không chắc rằng cô ấy có đang nghe tôi hay không nhưng tôi rất muốn cô ấy sống. Tôi tiếp tục: “Chính cô của em đã gây ra điều này, bà ấy đã mang đi tất cả tình yêu và hạnh phúc của em, bà ấy đã làm một điều tồi tệ. Bà ta đã đưa những đứa con của em đi”. Tôi thì thầm những điều cuối cùng nhưng tôi cảm thấy mình bắt buộc phải nói.

Tôi nhìn Mary. “Tôi đã giết cô ấy?”. “Không, tôi rất yêu cô ấy”, sau đó tôi cảm thấy cánh tay nhỏ bé của cô ấy ôm lấy tôi và mắt từ từ mở. Mary như vui khi nghe thấy điều tôi nói. Điều này cho tôi hy vọng rằng tôi sẽ cố làm cho cô ấy hiểu. “Những con búp bê chính là con của em. Khi em nghĩ rằng em đã mất hết cơ hội để yêu và làm mẹ, em đã làm những con búp bê tuyệt vời này. Trong mỗi con búp bê em đưa vào đầy tình yêu. Em làm chúng với sự dịu dàng và cẩn thận như chúng chính là những đứa con của em. Mỗi khi bà Rose đưa những con búp bê đi và không mang gì trở lại. Em tiếp tục mất hết kho tình yêu của mình cho đến tận khi linh hồn của em rời bỏ em. Người ta sẽ chết kho không có gì còn

lại nữa”.

Khi tôi ngừng nói, cô ấy bắt đầu động đậy. Dường như cô ấy hiểu những điều tôi đang nói. “Nhưng em sẽ không chết”, tôi gào lên “Bởi vì anh rất yêu em. Em có nghe anh nói không Mary?. Anh yêu em và anh không thể sống thiếu em”. “Yêu em ư?” Cô ấy thì thầm “Nhưng chân em bị khoèo cơ mà, làm sao mà anh có thể yêu em được chứ”. “Điều đấy không phải là vấn đề, anh vẫn yêu em. Bà Rose đã nói dối em. Cái chân của em có thể kéo thẳng được. Trong vòng một năm em có thể đi lại bình thường như những cô gái khác”.

Tôi tiếp tục nhìn vào mắt cô ấy. Tôi nhìn thấy những giọt nước mắt hạnh phúc lăn dài trên má Mary. Cô ấy mỉm cười trong sự tin cậy hoàn toàn và quàng tay ôm lấy tôi, tôi ôm cô ấy. Cô ấy nhẹ quá, nhẹ như một con chim. Cô ấy giữ chặt lấy tôi trong khi tôi choàng cho cô ấy một chiếc áo ấm. Tôi đưa Mary ra khỏi phòng.

Đột nhiên tôi nghe thấy tiếng cửa mở và tiếng chân chạy. Bà Rose xông vào. Trông bà ta thật giận giữ, tôi thấy Mary run lên vì sợ, cô ấy nấp vào sau gáy tôi. Nhưng bà Rose đã quá muộn. Bà ta không thể làm gì được nữa. Bà ta biết điều đó. Tôi không nói một lời khi đi ngang qua, tôi giữ chặt Mary ở trong lòng. Tôi đi ra cửa trước, xuống cầu thang và đi xuống phố. Bên ngoài mặt trời vẫn đang toả sáng trên con phố bụi bặm và đám trẻ con thì nô đùa ầm ĩ khi tôi đưa Mary về nhà.

Tất cả những điều đó đã ba năm rồi. Khi tôi viết những dòng này thì Mary đang chơi với đứa con trai của chúng tôi. Đứa con thứ hai của chúng tôi sẽ sinh trong vài tuần nữa.

Cô ấy cũng không làm búp bê nữa. Cô ấy không cần phải làm điều đó, nhưng tôi thì vẫn cầu chúa cho cái ngày đầu tiên khi tôi nhìn thấy con búp bê diệu kỳ ở trong cửa hàng nhà Jim Carter.

Uông Triều dịch

(Báo Văn nghệ Trẻ)

Nguồn:

Được bạn: một sách đưa lên
vào ngày: 27 tháng 5 năm 2004